

**PHẦN I**

**TỤC NGỮ, CÂU ĐỐI  
CA DAO, DÂN CA, VÈ**

**(Tiết 1)**

## TỤC NGŨ

- Cá mòi Sông Yên  
Cá liên Phú Túc.
- Cá lưới Cu Đê.
- Chiều chiều mây phủ Sơn Chà  
Chớp giăng Núi Chúa <sup>1</sup>trời đà chuyể mưa.
- Chiều chiều mây phủ Sơn Chà  
Sấm rền Non Nước trời đà muồn mưa.
- Chiều chiều mây phủ Sơn Chà  
Én bay Cửa Đại <sup>2</sup> trời đà chuyể mưa.
- Đòi ông cho chí đòi cha  
Mây phủ Sơn Chà không gió thì mưa.
- Khen thay con gái Hoà An,  
Sáng đi bán mít, chiều sàng gạo thơm.
- Mây đen phủ kín Sơn Chà  
Phải lo thu dọn kẻo mà mưa to
- Mây đen phủ xuống Sơn Chà  
Sấm rền Non Nước trời đà muồn mưa.
- Mít Hoà An mấy làng biết tiếng <sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> *Núi Chúa*: Núi Giáo Lao tức núi Bà Nà.

<sup>2</sup> *Cửa Đại*: tức cửa Đại Chiêm, tên dân gian là Cửa Đợi. Cửa sông Thu Bồn.

<sup>3</sup> *Hoà An*: một làng thuộc xã Hoà Phát nay thuộc Phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng.

- Móng Cửa Đại cá mại chết khô.  
Móng Đá Trạc không khô cũng khát.
- Móng chuồn đóng tại Gò Chòi  
Mấy cô con gái đi coi móng chuồn <sup>4</sup>.
- Móng Cu Đê chạy về dọn gác.
- Móng Đại La mưa sa bão táp.

- Nem chả Hoà Vang,  
Bánh tổ Hội An,  
Khoai lang Trà Kiệu,  
Thơm rượ Tam Kỳ.

- Nước mắm Nam Ô  
Cá rô Xuân Thiều <sup>5</sup>

- Nhất La Qua,  
Nhì Tú Trà,  
Ba Phong Lệ.

-Ốc bươu Bàu Nghè  
Chè xanh Phú Thượng.

-Phong Lệ Mực đồng  
Giàng Đông đầu vật <sup>6</sup>

---

<sup>4</sup> Đá Trạc: núi Đá Trạc tại xã Hoà Nhơn. Gò Chòi: địa danh tại xã Hoà Nhơn, huyện Hoà Vang Tp Đà Nẵng.

<sup>5</sup> *Xuân Thiều*: trước là một thôn thuộc xã Hoà Hiệp, nay là khu phố thuộc phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu Tp Đà Nẵng.

<sup>6</sup> *Phong Lệ*: xưa là một xã hiệu bao gồm một vùng rộng lớn. nay là thôn Phong Nam thuộc xã Hoà Châu, huyện Hoà vang. Giàng Đông: xưa là đất thuộc Phong Lệ xã, nay là thôn Giàng Đông thuộc xã Hoà Phước, huyện Hoà vang, thành phố Đà Nẵng.

- Rau dớn cá liên.
- Tổ tiên cư đất Bắc,  
Con cháu chói trời Nam.

## CÂU ĐỐ

- Một mình ra đứng ngoài đồng  
Chồng con không có, một đời chữa hoang,  
Trong mình thắm đỏ như giang,  
Chỉ tơ vắn vít trong vàng ngoài xanh.

(Cây bắp)

- Ba trắng lún những khoả bờ,  
Hiềm vì một chút con thơ,  
Giang tay chắc nịch bông con đỏ  
Chuyên động lôi phong, phát ngọn cờ

(Cây bắp)

- Ngã sanh ư trung quốc  
Ngã bất phục quốc  
Nhơn nhơn giai phục ngã  
Vô ngã bất thành nhơn <sup>7</sup>

(Hạt muối)

- Một thuyền hai mái  
Mũi lại sơn sơn  
Chèo ra giữa biển, nước non dầm dề  
Có người hàng lãnh <sup>8</sup> sơn khô  
Sáng ăn hàng đội, chiều về hàng dinh.

---

<sup>7</sup> Ta sinh ra trong nước, ta chẳng ưa nước, người người đều ưa ta, không ta chẳng nên người.

<sup>8</sup> Hàng lãnh: người chặn vịt.

(Con vịt)

- Đầu rồng đuôi phụng, cánh tiên,  
Ban ngày năm bảy vợ, tối ngủ riêng một mình.

(Con gà trống)

- Hai bên đờn ca sáo thổi,  
Dưới cá đoi chạy nhớn nhơ  
Hai bên thiếp đợi chàng chờ  
Đẩy xe loan phụng bỏ bài thơ một mình.

(Khung cử)

- Cây khô mà đứng giữa đồng  
Chết đi sông lại trở bông hoa điều  
Bà con xúm lại cho đông  
Coi cây hoa điều lại trở bông ra.

(Cây trụ cờ)

- Xương sườn xương sống  
Nuốt sống người ta  
Nuốt vô nhả ra  
Người ta còn sống.

(Cái nhà)

- Thạch Sanh ngồi giữa ghế vàng  
Một thiếp một chàng, nương dựa hôm mai  
Ngày thời lo việc gái trai  
Quan yêu, dân chuộng, ai ai cũng tùy.

(Bình vôi ăn trâu)

- Cong lưng tôm, chòm hóm vô bụi,  
Chuyện không làm mà túi bụi lãng quăng.

(Cái rựa)

- Bằng cái đĩa, sĩa xuống ao,  
Một triệu công đào mà không thấy tới.

(Mặt trăng)

- Thân em chẳng nệ chốn giàu sang  
Giúp đỡ mọi người mặt ngỗ ngang,  
Tựa chốn pòng loan mong đợi bạn  
Sum vầy giấc điệp, khoái muôn vàn.  
(Cái gỏi)

## CA DAO

### *Quê hương, đất nước*

- Ai lên Giàn Bí<sup>9</sup> dốc cao  
Má hồng để lại, xanh xao đem về.
- Ai về Mỹ Thị<sup>10</sup> thì về  
Trước sông sau biển, rừng kê một bên  
Nước Mỹ Thị vừa trong, vừa mát  
Đường Mỹ Thị nhỏ cát dễ đi  
Trai Mỹ Thị như bông hoa lý  
Gái các làng đẹp ý duyên ưa.
- Ai về Non nước Ngũ hành  
Nhìn xem phong cảnh như tranh họa đồ.
- Bạc vàng ở tại Bông Miêu,  
Phò Nam, Phú Thượng<sup>11</sup> biết bao nhiêu chè.
- Cửa Hàn nằm ở trong xa  
Trước mũi Sơn Chà sau có hòn Nghê  
Vũng Nôm vũng Bắc dựa kê

---

<sup>9</sup> *Giàn Bí*: một thôn của đồng bào Cơ tu thuộc xã Hoà Bắc huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng

<sup>10</sup> *Mỹ Thị*: nay thuộc phường Bắc Mỹ An, thành phố Đà Nẵng.

<sup>11</sup> *Phò Nam*: (làng) thôn thuộc xã Hoà Bắc huyện Hoà vang. *Phú Thượng*: (làng) thôn thuộc xã Hoà Sơn huyện Hoà vang.

Mỹ Khê Làng Mới <sup>12</sup> làm nghề lưới đăng  
Ngó về Non Nước thẳng băng  
Có chùa thờ Phật, Phật hằng linh thiêng.

- Đi bộ thì khiếp Hải Vân  
Đi thuyền thì sợ sóng thần Hang Dơi <sup>13</sup>.

-Đứng bên ni Hàn  
Ngó qua bên tê <sup>14</sup> Hà Thân <sup>15</sup>  
Nước xanh như tàu lá  
Đứng bên tê Hà Thân  
Ngó về Hàn phố xá nghênh ngang  
Kê từ ngày Tây lại đất Hàn  
Đào sông Câu Nhí bòn vàng Bông Miêu  
Dặn lòng ai đỡ đừng xiêu  
Ở nuôi phụ mẫu, sớm chiều có nhau.

- Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Non Nước canh gà Khái Đông <sup>16</sup>.

-Em là con gái Hoà Vang  
Bảo vệ quân em ghé, Vệ quốc đoàn em thương  
Anh ơi, gió bụi ngàn phương  
Về đây hẹn buổi lên đường lập công  
Anh ơi, chiến dịch Thu – Đông  
Em chờ anh lập chiến công trở về

---

<sup>12</sup> *Mỹ Khê*: xưa là làng thuộc huyện Hoà Vang; nay là khối phố phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

<sup>13</sup> *Hang Dơi*: phía nam núi Hải Vân, nơi đây vào mùa có gió đông bắc thường có sóng to dân gian gọi là sóng thần.

<sup>14</sup> *Bên tê*: bên kia.

<sup>15</sup> *Hà Thân*: thuộc phường Bắc Mỹ An, Đà Nẵng

<sup>16</sup> *Khái Đông*: xưa là làng, nay khu phố thuộc phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn

Phá đồn, giết giặc tay sai  
Giải phóng vùng bị chiếm trở về tự do  
Qua sông lại gặp con đò  
Đề em cao giọng,  
khoan hò là hò khoan <sup>17</sup>.

- Hải Vân bát ngát ngàn trùng  
Hòn Hành ở đó là trong vịnh Hàn  
Xưa nay qua đó còn thuyền  
Lôi đi Lô Giản thẳng miền khơi xa <sup>18</sup>.

- ...Hoà Vang chung một quê nhà  
Ai ra ngoài Trẹm <sup>19</sup>Sơn Chà không mê.  
Cá chuồn nhiều nhất Thanh Khê <sup>20</sup>  
Tân Lưu <sup>21</sup>quê bạn cũng nghề biển Đông  
Ai về Quán Cái sang sông  
Viếng chùa Non Nước tiên bồng bạn ơi  
Buông khuâng nhớ cảnh nhớ người  
Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chum vô  
Tiếng đồn nước mắt Nam Ô  
Nơi đây mực ép cá khô cũng nhiều  
Dân tình quê bạn cũng nghèo  
Qua truông rồi lại xuống đèo Hải Vân  
Ai từng dời gót Hà Thân

---

<sup>17</sup> Ghi theo bà Huỳnh Thị Khoai, đội 4 Hợp tác xã Xuân Thiều, Hoà Hiệp, Hoà Vang.

<sup>18</sup> *Hòn Hành*: tức hòn Thông Sơn hình dạng giống củ hành nằm trong vũng Thùng, Tp Đà Nẵng.

<sup>19</sup> *Trẹm*: tên gọi xưa, nay là vùng đất thuộc hai phường Thạch Thang và Thuận Phước, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

<sup>20</sup> *Thanh Khê*: một làng chài nay thuộc quận Thanh Khê Tp Đà Nẵng.

<sup>21</sup> *Tân Lưu*: xưa là làng chài; nay thuộc phường Hoà Hải quận Ngũ hành Sơn Tp Đà Nẵng.



Ghé lên Chợ Huyện<sup>22</sup> bước sang Chợ Cồn<sup>23</sup>  
Nơi đây Cẩm Lệ tiếng đồn  
Mùi thơm thuốc lá đất còn ngàn muôn...

- Lỗ Đông<sup>24</sup>sát núi Cao Sơn  
Cu Đê thì lại ở gần Hải Vân.

-Mưa từ đèo Ải mưa vô  
Mây mù Đồn Nhất sóng xô Vũng Thùng<sup>25</sup>.

- Nại Hiên là Nại Hiên ne  
Lấy nước làm muối lấy tre làm nôi.

- Ngó lên đỉnh núi Sơn Chà  
Ngó về Mân Thái ngó qua cửa Hàn  
Em là cô gái Thọ Quang  
Hay là Phước Mỹ nói rõ ràng cho qua nghe  
Em đến đây đi bộ hay đi xe  
Gặp nhau bày tỏ qua nghe cho rõ ràng ?  
Quê em ở Bắc Mỹ An  
Ghé thăm An Hải băng ngàn đến đây  
Còn em là con gái An Hải Tây  
Là an ninh là du kích đêm ngày tuần tra  
Trên đường công tác ghé qua  
Yêu quê yêu biển thiết tha nơi này!

---

<sup>22</sup> *Chợ huyện*: tức Chợ Mới (chợ Hoà Thuận) xưa kia chợ Hoà Thuận tục gọi là chợ huyện (thuộc huyện Hoà Vang).

<sup>23</sup> *Chợ Cồn*: tên một chợ, xưa thuộc huyện Hoà Vang; nay thuộc quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

<sup>24</sup> *Lỗ Đông*: tên sông (còn gọi là nguồn Lỗ Đông) nằm phía nam núi Bà Nà (Giáo Lao). Cao Sơn ngọn thấp nằm về phía Nam núi Giáo Lao.

<sup>25</sup> Vũng Thùng nằm trong vịnh Đà Nẵng.

- Nhất cao là núi Bà Nà <sup>26</sup>  
Nước sâu là khúc Sơn Chà chảy ra.
  
- Non Nước có núi Ngũ Hành  
Có nghề khắc đá lừng danh khắp vùng.
  
- Nước sông Hàn chảy qua cầu Cẩm lệ  
Anh thương em về thừa với mẹ cha  
Hai ta cùng đất Quảng Đà  
Cùng nguồn nước chảy hai ta gọi đầu.
  
- Quê em có dải sông Hàn  
Có chùa Non Nước có hang Sơn Chà.
  
- Quê em có núi Ngũ Hành  
Có chùa Non Nước mây vờn sóng reo.
  
- Quê ta có chợ Tuý Loan <sup>27</sup>  
Có trường An Phước <sup>28</sup> tiếng vang muôn đời.
  
- Sơn Chà núi ấy dựa kê  
Tây sông Đông biển nhớ về làm ăn.
  
- Thà làm hạt cát Tiên Sa  
Còn hơn làm mảnh đá hoa trong chùa.

---

<sup>26</sup> *Núi Bà Nà*: còn gọi là Núi Chúa; thời Minh Mệnh gọi núi Giáo Lao (theo Trần Nhật Tĩnh *Hoà Vang phổ chí*) thuộc xã Hoà Ninh huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng.

<sup>27</sup> *Tuý Loan*: trước là Thuý Loan (theo *Ô châu cận lục* của Dương Văn An) là tên làng cũng là tên chợ thuộc xã Hoà Phong huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng.

<sup>28</sup> *An Phước*: Trường Tiểu học An Phước đầu thế kỷ XX là một nghĩa thực ra đời trong phong trào Duy Tân.

-Quê tôi có núi Sơn Chà <sup>29</sup>  
Có chùa Non Nước có phà sang sông  
Anh về em sẽ cắt công  
Thăm quê, thăm cảnh, qua sông, qua cầu.

### *Lịch sử*

- Anh đi lánh nạn Trung Lương  
Cho tui nhắn gửi người thương Cồn Dầu <sup>30</sup>  
Nước nhà nguy biến đã lâu  
Ai thương Tổ quốc quay đầu về đây  
Về đây chung sức giết Tây  
Diệt tề, đánh nguy, dựng xây xóm làng.

-Chiều qua vào lúc giờ thân  
tam bản <sup>31</sup> rần rần xạc ngược bờ sông  
Xạc sâu vào đến đồn Đông <sup>32</sup>  
Nổ súng đùng đùng quyết chiến đồn ta  
Trên bờ ta bắn pháo ra  
Hai cây hỏa hổ bắn đà thiệt hung  
Cột buồm nó gãy  
Tam bản nó tung  
Tây phiến hải hùng, nó kêu nó xố <sup>33</sup>  
Nó la hô hô, tam bản xẹt lui  
Trời đã tối rồi, ta không đánh nữa.

---

<sup>29</sup> *Sơn Chà*: đây là một bán đảo, nay gọi là Sơn Trà thuộc quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Dưới chân bán đảo, về phía tây có bãi Tiên Sa. Tương truyền bãi là nơi xưa kia có các nàng tiên về tắm.

<sup>30</sup> *Trung Lương, Cồn Dầu*: hai tên làng thuộc xã Hoà Xuân, huyện Hoà Vang.

<sup>31</sup> *Tam bản*: một loại thuyền nhỏ ghép bằng ba tấm ván.

<sup>32</sup> Tức thành An Hải.

<sup>33</sup> *Xố*: tiếng la, âm thanh phát ra của bọn Pháp. Như *xí lô, xí là* v.v...

-Chiều chiều mây phủ Ai Vân  
Chim kêu ghènh đá găm thân Pháp buồn.

- Chim bay về mồm Sơn Chà  
Chàng đi lính mộ xa đà quá xa <sup>34</sup>  
Sự này bởi tại Lang Sa <sup>35</sup>  
Cho nên đũa ngọc mới xa mâm vàng  
Dậm chân kêu vớ thiên hoàng  
Vợ chồng chưa mấy nồng nàn đã xa  
Anh tham chi đồng bạc con cò  
Bỏ cha, bỏ mẹ theo phò Lang Sa  
Nghìn trùng xứ lạ xót xa  
Bỏ con thơ dại, bỏ nhà, bỏ quê  
Ra đi lính mộ khó về  
Ngày xưa kia em có nói, anh chẳng  
hề nghe nên luy mình.

-Đây Hòa Liên <sup>36</sup> quê hương miền tây bắc  
Tuyên lửa đầu diệt giặc Pháp năm xưa  
Nghĩa sỹ hê! Vang dội chí trung kiên  
Núi Hải Vân nơi đất đứng toàn miền  
Ai qua đó nhớ về các dũng sỹ  
Vân Dương <sup>37</sup> ta trương cao cờ chính nghĩa  
Hố Chiêu sâu một chiều ta thảm bại

---

<sup>34</sup> *Lính mộ*: tên gọi khác của lính tập. Ngày xưa, lính mộ do Pháp lập có các loại lon sau: lính trơn thì có lon Quyền (lon vàng bằng một ngón tay), rồi lên chức: Cai Nhì (lon vàng bằng hai ngón tay). Cai Nhứt (lon vàng bằng hai ngón tay, kèm theo một rẻo) được hưởng hàm Chánh cửu phẩm của Triều đình. Đội Nhì (lon bạc bằng một ngón tay) được hàm Tùng Bát phẩm của triều đình. Đội Nhứt (lon bằng hai ngón tay) được hàm Chánh Bát phẩm. Quân (hai lon bạc) được hàm Tùng thất phẩm.

<sup>35</sup> *Lang Sa*: chỉ thực dân Pháp.

<sup>36</sup> *Hòa Liên*: xã Hòa Liên thuộc huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng.

<sup>37</sup> *Vân Dương*: một làng thuộc xã Hòa Liên, huyện Hoà Vang.

Nỗi đau thương vang vọng mãi ngàn sau  
Tổ quốc lâm nguy thất phu hữu trách  
Giặc tan rồi xây dựng lại hơn xưa  
Nào lúa ngô rẫy sắn với nương khoai  
Thuyền xuôi ngược, hò đưa trên sông nước.

- Đứng bên ni sông Hàn  
Ngó qua bên tê nước xanh như tàu lá  
Đứng bên ni Hà Thân  
Ngó qua bên tê Hàn phố xá nghênh ngang  
Từ ngày Tây lại sứ sang  
Đào sông Câu Nhí<sup>38</sup> bòn vàng Bông Miêu<sup>39</sup>  
Dặn lòng ai đỗ đừng xiêu  
Ở nuôi phụ mẫu sớm chiều có ta.

-Đây đất mẹ, đây lời non nước  
Nặng nghĩa tình sau trước một lòng  
Đã sản sinh ra bao lớp anh hùng  
Chẳng quản phụ với dòng sữa mẹ  
Đà Nẵng, Sơn Trà, Miếu Bông, Cẩm Lệ  
Chuyện trăm năm còn kể trận mù u<sup>40</sup>.

-Đẹp chi súng Mỹ anh mang  
Hay chi đốt phá xóm làng hỡi anh<sup>41</sup>.

---

<sup>38</sup> *Câu Nhí*: Đoạn sông đào nối sông Thu Bồn với sông Cổ Cò, thuộc xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

<sup>39</sup> *Bông Miêu*: Có khi gọi là Bông Miêu, mỏ vàng thuộc xã Tam Lãnh, thị xã Tam Kỳ hiện nay, được khai thác từ thời Minh Mạng, Thiệu Trị, đình chỉ dưới thời Tự Đức; dưới thời Pháp thuộc được khai thác lại, đến năm 1945, sau 1975 tiếp tục khai thác một thời gian.

<sup>40</sup> *Trận mù u*: Tương truyền năm 1858, khi quân Pháp tấn công Đà Nẵng năm, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, Ông Ích Khiêm đã dùng trái mù u rải trên mặt đường tại phòng tuyến Liên Trì, giặc Pháp đi giày đinh dẫm phải ngã lăn lóc.

<sup>41</sup> Ghi tại Hòa Liên, Hòa Vang.

- Điện bàn Đà Nẵng Duy Xuyên  
Hoà Vang Đại Lộc là miền đau thương.  
Ở đây giặc Pháp bạo cường  
Cửa nhà đốt hết, ruộng vườn phá tan.

- Hải Vân cao ngất tầng mây  
Giặc đi đến đó bỏ thầy không về.

- Hoà Vang có núi Ba Viên,  
Hết Tây đến Mỹ đảo điên chốn này.

- Hoà Vang chín ngõ sông Con <sup>42</sup>  
Không ai ăn ở vuông tròn như em .

-Hội ni ngó bộ không xong  
Rủ nhau đánh trận mù u giữ làng.

- Kể từ ngày Tây lại Sứ sang,  
Làm mương Thuỷ Tú đắp đàng hoả xa,  
Cu li vô số hằng hà  
Thầy đều làm mướn ai mà cười ai  
Cười người làm đĩ lầy Tây  
Ăn hàng ngồi chợ người ta chê cười.

- Máu em chảy đỏ Mân Quan  
Nợ này Mỹ trả gấp ngàn em ơi <sup>43</sup>.

---

<sup>42</sup> Bản này do nhóm cựu học sinh niên khóa 1967 – 1974 trường Trung học Hoà Vang cung cấp. Có một bản khác được đọc: *Ai về chín xã sông Côn/Hỏi thăm ông Hoàng Hiệu có còn hay không?*.

<sup>43</sup> *Mân Quan*: trước là một thôn thuộc xã Hoà Quý, huyện Hoà Vang, nơi quân Mỹ - Diệm thăm sát dân ta, nay thuộc phường Hoà Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng.

- Mùa xuân mười chín tháng hai,  
Quán Âm lễ hội <sup>44</sup> ai ai cũng về.

-Nhớ anh chiến sỹ khu Đông <sup>45</sup>  
Một chiều sóng gió sang sông treo cờ  
Nhớ vùng bị chiếm bơ vơ  
Trăng sao đã lặn vẫn chờ tin anh.

- Nước sông Hàn đời mô cho hết mặn  
Rừng Sơn Chà ai đón cho hết cây  
Lời nguyện anh đó, em đây  
Biểu anh đừng đi lính cho Tây, em phiền.

-Rùng rùng kẻ bộ người thuyền  
Kéo nhau lên hỏi Nại Hiên <sup>46</sup> đợi chờ.

-Sơn Trà núi ấy dự kẻ  
Tây sông, Đông biển nhớ về làm ăn.

-Tai nghe súng nổ cái đùng  
Tàu Tây đã tới vũng Thùng anh ơi !  
Quảng Đà chung một lời nguyện  
Chân mày đập đến, đất này không tha !

-Tai nghe súng nổ cái đùng

---

<sup>44</sup> Chỉ lễ hội Quán Thế Âm được tổ chức hằng năm vào các ngày 18 đến 20 tháng Hai âm lịch, trong đó lễ chính là ngày 19 tháng Hai tại chùa Quán Âm thuộc quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng.

<sup>45</sup> Năm 1945, Đà Nẵng chia làm 4 khu, khu Đông phía hữu ngạn sông Hàn.

<sup>46</sup> Nay là vùng bến tàu du lịch đậu, dài đến công ty Sông Thu, thuộc phường Bình Hiên, Tp Đà Nẵng.

Tàu Tây đã đến vũng Thùng bữa qua.

-Tai nghe sủng nỏ cái đùng,  
Giận Tây không giận bằng giận chàng Lưu Cơ.

### ***Lao động – nghề nghiệp***

-Bước lên cái dốc Bà Nà<sup>47</sup>  
Biền dâu bãi bắp, là đà anh thương  
Anh về thừa lại gia nương  
Em đi xây dựng quê hương đẹp giàu.

-Em là con gái Tân An<sup>48</sup>  
Buôn tằm, bán tảo<sup>49</sup> chợ tan chưa về.

-Đời ông cho đến đời cha  
Mây phủ Sơn Chà không gió thì mưa.

-Khen cho con gái Thọ Quan  
Sớm mai đi chợ, tối đan màn幔.<sup>50</sup>

-Mây chiều phủ xuống Sơn Chà  
Sấm rền Non nước, trời đà chuyển mưa.

-Mây đen phủ kín Sơn Chà

---

<sup>47</sup> *Bà Nà*: tên địa danh trên núi Chúa. Nay Bà Nà là khu du lịch, nghỉ dưỡng của Tp Đà Nẵng.

<sup>48</sup> *Tân An*: thuộc làng An Hải, nay quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Cũng còn có xã Tân An trước thuộc xã Hòa Nhơn, Hòa Vang, nay là thôn Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, Tp ĐN.

<sup>49</sup> *Tằm, tảo*: hai loại rau xanh sống ở nước. Ở đây chỉ sự cần cù làm ăn, buôn bán.

<sup>50</sup> *Thọ Quan*: nay là phường Thọ Quang thuộc quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. (Chữ Quan trong Châu bộ triều Nguyễn-Gia Long- không “g”. Màn幔 bằng tre, đan lồng một, lỗ thưa dùng để phơi bánh trắng, cá, mực...



Gấp lo thu dọn, kéo mà có mưa.



*Đạp nước vào ruộng (Ảnh: tư liệu)*

### ***Quan hệ xã hội***

- Phước Sơn ăn cá bỏ đầu  
Bà con hàng xóm xỏ râu xách về <sup>51</sup>
- Anh đi qua Tây thắng trận hoạ may,  
Lon cai họ đóng, có thất bát phẩm mề đay, ngân tiền  
Em ở nhà thủ phận, thủ duyên  
Độ chừng ba tháng có chín mươi nguyên anh gởi về  
Khuyên em ở nhà chớ sá ngôi lê  
Nghe lời thiên hạ, ngựa nghề không xong <sup>52</sup>.

---

<sup>51</sup> *Phước Sơn*: nay là xã Hoà Nhơn, huyện Hoà Vang. Trước kia Phước Sơn được mệnh danh là “Phước Sơn đại xã” gồm làng *Phước Sơn*, *Phước Thuận*, *Phước Hưng*, *Phước Hương*, *Phước Hậu*.

<sup>52</sup> Bài do ông Châu Xứng xã Hoà Phát đọc.

- Bữa nay giọng tắt, tiếng khan  
Không ai đi chợ Túy Loan cho tui gởi đường.

- Cậu ơi! Tui ở với cậu mợ  
Tiết tháng năm tui đi đập đất gieo  
Về để cái dò ngoài sân  
Mợ chạy ra nghiêng tai nói nhỏ:  
“Con vô màn giấc trưa!”

- Có duyên nằm ngủ chì ì,  
Hắn về hắn nói răng mi hay màn ?  
Vô duyên làm cho chết thân,  
Hắn vô hắn nói màn màn chi mi!

- Con cá trong lò bơi quanh bơi quất  
Con cá ngoài lò đỏ mắt muốn vô  
Muốn vô hé bưng cho vô  
Vô xuôi ra ngược con mô cũng trọt đầu.

- Con cá dưới sông bắt bộ<sup>53</sup> còn được  
Huống chi em trên bờ anh dõ không xiêu  
Phát phơ hai ngọn cờ điều  
Ai thương cho bằng bạn, ai nhớ nhiều cho bằng anh.

-*Nam*: Con kia, mi đừng nói lừng khùng  
Xung điên bắt rắn bỏ quân mi phải khai  
*Nữ*: Bụng đàn bà, dạ con nít  
Thấy rắn phải la làng  
Rắn không phải rắn

---

<sup>53</sup> *Bắt bộ*: bắt bằng tay, không cần dụng cụ.

Nó vàng vàng như chú lươn.

**Nam:** Giống lươn là giống hay trườn

Lấy rô phân úp lại bốn cẳng giường tau chần lên <sup>54</sup>.

Chiều chiều mây phủ Sơn Chà

Sông Hàn nước cuộn, qua <sup>55</sup> đâu dám qua <sup>56</sup> mà bạn  
chờ.

-Chiều chiều mây phủ Sơn Chà

Lòng ta nhớ bạn, nước mắt và lộn com.

Vẫy vùng như cá trong nơm

Sớm mai Nam ta trông bạn, buổi chiều Nôm bạn  
trông ta.

-Chiều chiều mây phủ Sơn Chà

Sấm rền Non nước trời ã chuyển mưa.

-Chiều chiều mây phủ Hải Vân

Chim kêu gành đá thương thân mẹ già.

-Chiều chiều mây phủ Ai Vân

Chim kêu ghènh đá gẫm thân lại buồn.

- Chim trong lồng bò quay bò quắt

Chim ngoài lồng nhắm mắt bay luôn

Nghĩ làm ri không ai thương, ai nhớ, ai buồn

Nước sông chưa rặt <sup>57</sup> nước trên nguồn ã dung.

---

<sup>54</sup> Trong dịp hát đôi đáp nhau chàng trai lên Lương, cô gái tên Khai, hát tại Đông Phước xã.

<sup>55</sup> *Qua:* đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất.

<sup>56</sup> *Qua:* động từ.

<sup>57</sup> *Chưa rặt:* tức xuống, chưa xuống.

- Dù em mình ngọc mình ngà  
Lấy chồng Sơn Chà phải gánh củi than.

- Dù mà đòn đánh cho liên <sup>58</sup>,  
Ngựa quen đường cũ không phiền chi roi.

- Đêm khuya nghe gà gáy ó...o...  
Giật mình thức dậy, tui mò tui vô  
Động giường thức dậy mợ la,  
Mợ gọi: thằng nó, chớ mầy đi mô ?  
Tui nói: đi vô lấy gạo nấu cơm  
Có ái ông không biết cái ô ở chỗ nào  
Mơ màng giấc điệp chiêm bao  
Mợ nói: ô đây, ông đó con lấy nhào đi mà ra  
Đêm khuya tui ở cà rà  
Mợ xung điên nắm ông, mợ cà muốn bẻ ô <sup>59</sup>.

- *Nam*: Đòi chừ trai muốn làm đàn bà không  
muốn làm đàn ông  
Tui đi tuốt ra Huế rèn cái dao cho tinh thần  
Rèn về hớt trớt cục gân  
Hớt hai trái ứ, ra thân đàn bà  
Hớt rồi quăng trái ngỗ ba  
Mấy chị em gái lượm mà bỏ khăn  
Bỏ rồi thích chí nhả răng cười khi  
Nhà tôi có một cối đâm  
Đem về mà giã, mà cầm cho sưng tay  
Khen cho cái loại thậm hay  
Để dưới đất hấn nhỏ, cầm trên tay, lớn thành.

---

<sup>58</sup> *Liên*: tức đánh liên tục, không ngừng đoạn, đánh đã quen tay.

<sup>59</sup> Ghi tại làng Đông Phước, tương truyền do Châu Xúng đọc.

**-Nữ:**

Giống chi<sup>60</sup>, một năm ba đồng sáu giác chùng mô!  
Tốn hao chi đó bạn hót bộ đồ cho oan ?  
Tử tôn ai nói thiệt lời  
Ngày sau nắm lỗ, mộ tàn ai vun  
Anh hùng có chúng nói cuồng  
Gia bản, trí đoản<sup>61</sup> hết khuôn anh hùng  
Nói ra không sợ chị em cười  
Một năm ba đồng sáu giác không có,  
xin người, người cho  
Bạn về đắp chiếu ngủ co  
Đề lo đàn hương khói chớ lo chi mà hót đồ  
Hót rồi không biết quãng mô  
Quãng đường thiên lý lộ, chó tha vô nhóp nhà.<sup>62</sup>

**- Nam:** Em về lấy áo bạn vô,

Đề đôi núm bụ lồ lồ anh khó coi!

**Nữ:** Bớ anh ơi! Đôi cái núm bụ là của ông trời sinh  
Viên quan, chức sắc vốn tình có chùng ni.

**- Nam:** Giương cung bắn xỉ con cò

Thường ngày thường tới thường mò cá tôm

**Nữ:** Hữu nhãn vô châu thầy thấy đâu thầy bắn,

Ra tận chiến trường trắng trợn mắt mây.

**Nam:** Hữu nhãn vô châu thầy cũng thấy mờ mờ,

Dù bắn không trúng, thầy rờ thầy đâm<sup>63</sup>.

---

<sup>60</sup> *Giống chi*: (phương ngữ): Bao nhiêu lắm. Bao lắm lắm. Có chi đâu.

<sup>61</sup> *Gia bản trí đoản*: nghĩa đen là *nhà nghèo trí ngắn*.

<sup>62</sup> Bài do ông Phó Tân hát trong một lần hát đôi đáp tại Hồ Quê (nay là phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng).

<sup>63</sup> *Xỉ con cò*: vận dụng phương thức nói lái trong tiếng Việt.

- *Nữ*: Quý chi một quàu một quào <sup>64</sup>  
Rúc qua, rúc lại cái rào tan hoang.  
*Nam*: Bù chao chẳng phải bù chao  
Chàng làng không phải chàng làng  
Con chim ni khôn toan khó liệu  
Có người ở cận thân thích điều <sup>65</sup> tau mới hỏi thăm  
Ờ, ờ nghĩ lại mà nhằm  
Con chim ni cắn chặt <sup>66</sup> mọi năm trên giàn  
Phá bầu, phá bí tan hoang  
Bữa nay ngộ gặp, tau bán càng mũi tên <sup>67</sup>.

-Đất Nghi An là nơi quê quán  
Đất Đông Phước <sup>68</sup> là đất ngoại tông  
Chẳng phải quê mẹ mà chẳng phải quê ông  
Thường ngày xách nón băng đồng hỏi gia  
Quê người ta xứ sở người ta  
Mình vô danh vọng, bôn ba hại mình  
Người sao có chứng binh linh  
Nghĩ ra đạo lý không tình nghĩa chi  
Người người không biết chữ thị phi <sup>69</sup>  
Chê đây, lấy đó hơn chi nơi nào  
Bạn ở làm chi tác lớn tuổi cao  
*Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục* <sup>70</sup>  
Không kiếm nơi nào cho xong

---

<sup>64</sup> *Quào*: cái cào cỏ, (phương ngữ gọi bù quào, bù cào).

<sup>65</sup> *Điều*: giống chim điều.

<sup>66</sup> *Cắt*: vôi nhụy bông bí.

<sup>67</sup> Bài do ông Trọng Hào, còn gọi là Trọng Quào hát với bà Hoạch. Chim thường cắn bông bí là chim chắt hoạch.

<sup>68</sup> *Nghi An*: làng, nay là thôn Nghi An ; *Đông Phước*: làng, nay là thôn Đông Phước, hai thôn trên thuộc xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng.

<sup>69</sup> *Thị phi*: phải trái, không biết chuyện đúng sai.

<sup>70</sup> *Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục*: thà chịu chết chứ không chịu nhục.

Người sao có chứng hai lòng  
Muôn thương bên nó cùng tròn bên tê  
Người đời có chứng dâm mê  
Chữ *ô danh nan thực*<sup>71</sup> họ chê, họ cười  
Cầm vàng trên tay không biết vàng mười hay vàng năm  
Hần chi họ nói có nhằm  
Ai đời thấy rẻ ăn năm cùng bà gia  
Châu rày lậu tiếng về nhà  
Chữ *ô danh nan thực* biết cái mặt chàng đại khôn.

- Một mình lo bảy lo ba  
Lo cau trổ muôn lo già hết duyên  
Còn duyên kẻ đón người đưa  
Hết duyên đi sớm về trưa một mình.

- Mèo lành ai dễ cắt tai  
Gái khôn mà chồng đẽ, khoe tài nổi chi.

- Quý chi một nải chuối xanh  
Năm bảy người giành cho mủ dính tay  
Mủ dính chun, mủ dính áo quần cho mủ làm kiêu  
Bốn người dỡ mủ không xiêu  
Mình tui dỡ mủ<sup>72</sup> buổi chiều hơm qua.

- Tiếc cho cái lưỡi câu dài quăng ngang Bàu Cạn<sup>73</sup>  
Tiếc cho con chim đại bàng làm bạn với le le  
Rượu ngon đem chiết vô ve  
Tiếc cho da trắng nõn hồng  
Đem vô mà gả cho loài phàm phu.

---

<sup>71</sup> *Ô danh nan thực*: thực: chuộc lại. Ý rằng danh tánh bị làm xấu đi thì khó mà chuộc được, rửa được.

<sup>72</sup> *Mủ*: tức mủ chuối xanh; ở đây khéo vận dụng mủ là đại từ danh xưng chỉ ngôi thứ 2: mủ như mụ. *Mụ Ba mủ gả con rồi phải không?*

<sup>73</sup> *Bàu Cạn*: địa danh có nhiều tại Hoà Vang.

- Xuân Thiều, Hoá Ổ <sup>74</sup> ba bốn chỗ giáp ranh  
Quan Nam, Trường Định không thành nơi mô.

### *Tình yêu đôi lứa*

- Chim chi đầu đỏ mỏ vàng  
Bay ngang Cẩm Lệ hỏi chàng bớt chưa ?  
Hai hàng nước mắt như mưa  
Tay giở chiếc chiếu tay đưa bình dầu  
Chàng ơi ngồi dậy xúc dầu  
Ăn cơm uống nước đừng có phiền rầu, hư thân !

- Cũng vì chàng mà thiếp bị đòn roi  
Không tin giờ áo ra coi dấu lằn.

-Đưa em cho tới Hà Khê <sup>75</sup>  
Bắt tay em lại, chữ đề ba câu  
Câu thương, câu đợi, câu chờ  
Duyên đôi ta ngộ gặp, làm lơ sao đành  
Chim kêu dưới suối, trên gành  
Ta không bỏ bạn, bạn đừng liệu bề bỏ ta.

- Giả đò đi chợ Miếu Bông <sup>76</sup>,  
Ghé vô thăm bạn, bạn không có nhà!

-Lạy trời đừng nắng, đừng mưa  
Âm u gió mát thiếp đưa chàng về

---

<sup>74</sup> *Xuân Thiều*: trước là một làng, nay là khu phố phường Hoà Hiệp; Hoá Ổ là tên gọi khác của Nam Ô; nay thuộc quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

<sup>75</sup> *Hà Khê*: Xuân Hà, Thanh Khê nay thuộc quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

<sup>76</sup> *Miếu Bông*: nay thuộc xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng.



Chàng về tới đất Hố Quê <sup>77</sup>  
Xây lưng trở lại ủ ê gan vàng  
Đêm nằm thờ thờ than than  
Trông trời mau sáng lên đất Nghi An <sup>78</sup> gặp mình  
Duyên ba sinh, nợ ba sinh  
Trời đâu xuôi khiến hai đứa mình xa nhau.

- Nước sông Hàn chảy ngang cầu Cẩm Lệ  
Anh thương em, để về thừa với mẹ cha  
Hai ta cùng đất Quảng Đà  
Cùng dòng nước chảy hai ta gọi đầu.

- Sáng mai em ra biển ba lần  
Thấy anh nằm trần trong dạ xót xa  
Em về mua lụa hàng ba  
Cắt áo cổ giữa đêm tra nút vàng  
Ai đi mà gỡ áo sang  
Đêm khuya cho chàng đắp, kéo gió bên Hàn thổi qua.

- Thiếp nguyện cùng chàng tại ga Liên Chiêu  
Chàng nguyện cùng thiếp tại miếu Hà Khê <sup>79</sup>  
Hai ta cắt tóc mà thề  
Trước răng sau rứa đừng hề lãng tâm.

- Thiếp nguyện cùng chàng Bà Sen <sup>80</sup> chưa trở  
Chàng nguyện cùng thiếp tại chợ Nam Ô

---

<sup>77</sup> *Hố Quê*: hay Quá Quê nay là phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

<sup>78</sup> *Nghi An*: (xã) làng, nay là thôn Nghi An thuộc xã Hòa Phát huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

<sup>79</sup> *Miếu Hà Khê*: tại Xuân Hà, Thanh Khê thuộc quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

<sup>80</sup> *Bà sen*: địa danh có nhiều nơi trên đất Hòa Vang.

Tàu Tây chưa lại ba – gông<sup>81</sup>  
May mô thiếp gặp, chàng rông về Hàn.

- **Nữ**: Thiếp chờ chàng năm thìn, năm tỵ cho chí năm thân  
Bước qua năm sửu, năm dần là sáu năm dư  
Thiếp chờ chàng đã mãn tháng tư  
Chàng không bước đến để phụ mẫu ở nơi xa  
Thiếp mời chàng mười sau tháng tư qua nhà  
Trầu ăn, rượu uống, nơi xa họ kết duyên  
Cây cao bóng ngã qua triền  
Thôi thì bạn về kiếm vợ (chớ) đừng phiền mà hư.

**Nam**: Anh phân với em ngôn tận lý từ  
Coi ngày mười sáu tháng tư qua nhà  
Không may em có nơi mô  
Mời anh qua nhà tội lằm em ời  
Huý thôi rồi, giấy rả hồ trôi  
Mời anh đến đó biết ăn ngồi vào đâu  
Mời qua uống rượu ăn trầu  
Hay là em trao thắm trao sầu cho anh  
Mời thời anh chịu, đi mà anh không  
Hai hàng nước mắt rung rung  
Nay không đặng vợ với chồng thời thôi<sup>82</sup>.

- Thương nhau dẫn thẳng Thu Bồn  
Phụ mẫu có đi kiếm dẫn dòn về Đồng Nai  
Lạy ơn trời để đặng chút con trai dẫn về  
Phụ mẫu khen cho con mình đà giỏi hung ghê  
Hồi đi một cặp chừ về thành ba.

---

<sup>81</sup> Ba-gông: nơi nôi toa tàu lửa.

<sup>82</sup> Bài do bà Võ Thị Tâm xã Hoà Phát đọc.

- Ròng châu núi Chúa<sup>83</sup> hạc múa Sơn Chà<sup>84</sup>  
Bạn thương ai nước mắt và với cơm  
Quầy vùng như cá trong nơm  
Sớm mai nam ta trông bạn, buổi chiều nơm bạn trông ta.

## DÂN CA

### *Hò khoan đối đáp*

Cùng với hành trang của người xứ Quảng trên con đường Nam tiến, khai phá giang sơn, họ “*gánh theo tên làng tên đất*” đi theo cùng với bước chân từ những ngày đầu mở đất. Những điệu hò của quê hương bản quán là niềm vui, là nỗi lòng, là nguồn động viên họ trong lao động quên mình trước những khó khăn thử thách. Vào đến xứ sở lạ lùng, *con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng phải kinh*, hò khoan đối đáp xuất hiện trên cơ sở đất đai, sông núi, tình người và mối giao lưu với các tộc người bản địa để từ đó tìm được môi trường diễn xướng, phổ biến và rất được ưa thích ở xứ Quảng.

*Ở nhà nghe tiếng hò khoan  
Trốn cha trốn mẹ băng ngàn tới đây  
Hữu duyên gặp bạn chón này  
Hỏi bạn còn thương như cựa  
hay đà khuây nghĩ người?*

Không một người dân Hoà Vang nào mà không thuộc vài ba câu hát hò khoan xứ sở. Xem thế, hát hò khoan đối đáp tại Hoà Vang đã gắn chặt theo với mỗi người như thế nào! Xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, hò khoan được nhân dân vận dụng và phát triển để thoả mãn nhu cầu hưởng thụ tinh thần khi chưa có loại hình sinh hoạt nào có thể lấy đó làm vui sau những ngày lao động mệt nhọc

---

<sup>83</sup> *Núi Chúa*: tức núi Bà Nà thuộc xã Hoà Ninh huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng.

<sup>84</sup> *Sơn Chà*: tức bán đảo Sơn Trà thuộc phường Thọ Quang, quận Sơn Trà Tp Đà Nẵng.

trên đất đai sông núi vừa mới khai phá lập làng. Tùy theo mỗi vùng cư trú, nhưng thế nào đi nữa, hò khoan vẫn gắn liền với làng quê, thôn xóm, ruộng đồng, bến nước. Hát hò khoan đối đáp tại huyện Hoà Vang có thể tìm thấy nơi vùng đông dân cư và sản xuất lúa nước, sản khoai, thuyền chài, bởi hò khoan đối đáp thường đi kèm với lao động ngày mùa. Đối với vùng Hoà Vang, từ miền núi đến đồng bằng ra hải đảo, đâu cũng có hò khoan, nhưng chủ lực vẫn là các vùng Hoà Tiến, Phong Lệ, Hoà Nhơn, Hoà Phát, Hoà Châu, Hồ Quê, Thanh Khê, Thọ Quang, Mân Thái, An Hải, Đà Sơn, Liên Chiểu, vùng Vân Dương, Quan Nam thường có những đêm diễn xướng kiến tại. Để hát được, bạn hát thường tập trung trên sân một nhà bạn hát nào đó, hoặc dưới luỹ tre làng, hoặc trên sân một nhà ai đó trong lúc xay, giã gạo dưới ánh trăng tròn. Đôi khi trên các chiếc ghe neo đậu cửa sông... vào những đêm trăng sáng cũng có thể hát được. Để được hát hò khoan đối đáp, đôi khi các bạn hát vượt một quãng đường dài sang làng khác để hát tìm vui, kết tình nam nữ... Thanh niên trai tráng vùng đồng bằng thường lội bộ từ Đông Phước, Nghi An xuống tận Hồ Quê để hát đối đáp với nhau<sup>85</sup>. Theo dấu chân của họ, ngày nay ta còn tìm thấy được con đường đi hát hò khoan ngày xưa: *Lạy trời đừng nắng đừng mưa/ Âm u gió mát thiếp đưa chàng về/ Chàng về tới đất Hồ Quê/ Xây lưng trở lại ử ê gan vàng...*, điều đó cho hay rằng trước kia, các làng trong cùng một vùng thường lên xuống thăm chơi và hát hò khoan huê tình. Hoặc đi ra phía ngoài lại gặp các bạn hát hò khoan từ Tân An, Đông Phước, An Khê hát với nhau: *Đưa em cho tới Hà Khê/ Nắm tay em lại chữ đề ba câu/ Câu thương, câu đợi, câu chờ/ Duyên đôi ta ngộ gặp làm lơ sao đành!* Hoặc trai thanh nữ tú tổng Bình Thái hát hò khoan với các chàng lực điền bên Phong Lệ của tổng Thanh An, đã được các cô ngộ nghĩnh đùa vui hài hước: *Hót cái l. quãng chũm*

---

<sup>85</sup> Xưa kia và ngày nay quan hệ hôn nhân giữa các làng Đông Phước, Nghi An, Hồ Quê là bằng chứng cho thấy trong quá khứ thanh niên nam nữ có quan hệ quen biết nhau.

*xuống sông/ Để trai Phong Lệ hét phương rình mò.* Hoặc xuống vùng biển lại nghe: *Phước Trường hát bộ mấy ngày cũng coi.* Điều đó cho biết rằng con đường đi hát của các bậc tiên nhân xưa không chỉ quanh quẩn trong mỗi làng mà họ đã mở rộng không gian cho những làn hò hát. Ngày trước, một làng không phải nhiều, chỉ chừng *đắc bách nhơn dư* nên thanh niên nam nữ cũng ít. Lại thêm trong làng phần lớn là định cư của một đến hai, hoặc ba tộc họ lớn nên việc hát với nhau xưa kia không được khuyến khích mà phải đi tìm bạn hát ở những làng lân cận. Chính đó, có thể nói rằng hát hò khoan tại huyện Hoà Vang là một sự tìm kiếm người tâm đầu ý hợp để làm quen. Phương tiện để hát thường là những công việc lao động hằng ngày như giã gạo, giã vôi, leo dốc, chèo thuyền, kéo lưới... bứt đậu, xâu thuốc, xắt sắn, xắt khoai...đôi khi không có công việc trong những ngày nông nhàn, thanh niên nam nữ tập trung lại dùng trầu để giã mà hát với nhau.

Một đêm hát hò khoan đối đáp huê tình thường có ba đoạn như một liên khúc liền mạch:

### ***-Hát chào, mời:***

Hát chào là thủ tục ban đầu thường diễn ra khi các bạn hát tập trung tại địa điểm diễn xướng, ngay khi gặp gỡ đầu tiên, họ chào nhau, đôi khi giới thiệu tên họ, tuổi tác cho nhau nữa. Lời hát phong phú và dụng công rất công phu, bởi *lời chào cao hơn mâm cỗ*. Chào không thuận miệng, hát cũng không hay. Có thể là nam hát trước, nữ sau nhưng cũng có khi ai đến sau phải hát chào theo thói quen “tiên khách hậu chủ” do bạn hát quy định.

*Vô đây bớ bạn vô đây  
Trầu cau một hộp đem xây trên bàn  
Giường mừng chiếu kê trải ra  
Xin mời các sĩ vô nhà hò khoan*

*Tội chi đứng sá ngòi đàng  
Sương sa lệ nhỏ, cảm thương hàn không hay.*

*-Nữ: Sương chi mà hát mà hò,  
Chông đau bệnh khí<sup>86</sup> nằm co sát giường  
Nam: Chông đau bệnh thủy<sup>87</sup> mới lo,  
Chớ đau bệnh khí, cứ vô hát hò mà chơi.*

*Nữ:*

*Tới đây tui mở lời chào  
Chào Nam chào Bắc chưa biết chào ai  
Chào người ngang vé, chào kẻ ngang vai  
Ai có ân thâm nghĩa trọng lắng tai nghe chào.*

*-Nam: Anh chào bên nam thì mắc lòng bên nữ  
Anh chào quân tử thì bỏ bạn thuyền duyên  
Cho anh chào chung một tiếng kéo chào  
riêng khó chào.*

*-Nữ: Ở nhà bôn bực ra đi  
Áo chưa kịp bận, nút chưa kịp gài  
Tới đây chẳng biết chào ai  
Lớn hơn cũng bộn, ngang vai cũng nhiều  
Mở lời chào gió, chào trăng  
Chào hòn núi Chúa, chào băng qua Sơn Chà.*

Bạn hát lần lượt tay cầm quạt mo cau, vắt áo lên vai, phì phà điều thuốc lá Cẩm Lệ, xuyên bóng đêm tập trung về địa điểm đã đồng, họ tự chọn nhóm để vào cuộc chơi hát hò đôi đáp. Sau chặng hát chào theo cách “lễ tân” dụng công nghệ thuật kỹ lưỡng, đêm hát

---

<sup>86</sup> *Bệnh khí*: dân gian gọi là phù thủng.

<sup>87</sup> *Bệnh thủy*: thủy đậu.

chuyển sang đoạn thứ hai. Đây là đoạn chuyển tiếp gay cấn nhất, bởi chỉ toàn là những ứng tác, kiến tại tại chỗ nên việc đối đáp cho có vần điệu đúng nội dung và phải ngắn gọn, súc tích ai cũng có thể hiểu được là hết sức khó khăn, phải vận dụng tài trí thật linh hoạt vào cuộc hát hò thì mới có thể duy trì được lâu. Không chỉ có kiến tại mà phần lớn các bạn hát chuẩn bị trước đôi câu làm vốn lặn lưng vào cuộc hát hò, nhớ gặp phải thế bí phải đem ra sử dụng, hoặc chuyển đổi nội dung cho phù hợp, có thể mới tạo được niềm tin bước vào cuộc hát hò khoan huê tình được. Một cuộc hát hò khoan huê tình khó ở chỗ, cuộc hát diễn ra không lường trước, có hát đố, hát đối, hát nhân ngãi, cách cú...tùy theo văn cảnh và người khởi xướng mà cuộc hát diễn biến theo. Ai vượt được một đoạn là mạch hát phát triển theo văn cảnh và trụ bám được lâu. Thường bên nữ xướng trước, bên nam họa theo.

### ***-Đoạn khai cuộc:***

Đoạn này có thể chia thành nhiều nội dung khác nhau, biến tấu linh hoạt được lấy lên theo thứ tự thời gian và tùy theo hứng thú từng bữa hát, không nhất thiết bữa nào mời gọi tập trung lại hát cũng đố nhau, cũng xạo, cũng nhân nghĩa huê tình mãi, mà còn tùy không khí cuộc vui đối đáp mà sa đà theo với bạn hát. Tuy nhiên, đối đáp nhau chừng nhai dập vài ba miếng trầu, uống cạn bát nước chè xanh, vậy là cuộc hát đã khuya lắm, sương thấm trên vai, trăng xế trên đầu rồi còn gì! Lời cảnh báo được đưa ra trước khi vào cuộc vui chơi:

*- Hò khoan thiếp thiếp, chàng chàng  
Có quyền chi (mà) bạn gọi nàng bằng em?  
Hò khoan chả chả, nem nem <sup>88</sup>,  
Chàng chàng, thiếp thiếp, đừng xưng em họ cười!*

---

<sup>88</sup> *Chả nem*: điều này cho biết thêm rằng nem chả Hòa Vang nổi tiếng một thời.

### ***Hát đối:***

Nữ: - *Gái Phú Cam mặc quần lĩnh bươm  
Vai gánh gánh bông, chân chạy lanh chanh  
Đố trai nam nhơn đối đặng  
Em đem duyên lành trao cho!*

Nam: - *Trai đào tiên bứt dây hoa lý  
Vai vác nhành tùng ngòi nghỉ góc lê  
Đố danh sư, đây cũng tài nghệ  
Trai nam nhơn(đà) đối đặng, anh dẫn về phòng loan!*

Sau một vài câu hát đố thử tài bạn hát, tìm chọn người tâm đầu ý hợp, chọn bạn hát hay, hò giỏi, hoạt ngôn cuộc vui có thể chuyển sang hát đối nhau. Trong hát đối cái khó là tìm cho ra cặp danh từ, động từ, tính từ để đối nhau, hoặc đối ý, đối cảnh, đối tâm trạng. Trong hát đối chỉ những người có am hiểu nho học mới có thể ra bài dụng ý công phu, còn phần nhiều thanh niên nam nữ chọn phương thức hát nhân nghĩa, dễ hiểu với lời hát phá cách lục bát, cho phép có nét dư trong lời thơ để dễ luyên láy và thể hiện tình ý cá nhân một cách trữ tình mà không bị phản đối.

Cuộc vui có thể chuyển sang nội dung mới khó hơn, những thanh niên nam nữ không theo kịp chỉ ngồi nghe các bạn đối đáp nhau:

### ***Hát xạo:***

Nữ: - *Con tôm thú nằm giữa dòng nước chảy cù cong,  
Nực cười anh thầy bói những mong ngó gì?*

Nam:- *Không phải ông thầy bói mà thiếp ngờ,*



*Đây là con cò lặt<sup>89</sup> chực hờ chị tôm cong.*

*Nữ: - Thình lình súng nổ cái tùm  
Thuyền quỳên đắc mặt, anh hùng ngã nghiêng  
Kẻ nghe súng nổ ngoài Hàn  
Người nói bắn đá Non Nước, kẻ nói bắn lấy  
vàng Bồng Miêu  
Mở lời phân lại với bằng liêu  
Đây là thuyền quỳên đi lờ  
không phải đũa liêu, đừng bia danh.<sup>90</sup>*

*Nữ: - Chàng đà biết ngô thiếp chưa,  
Ngô thiếp hai cái cũng vừa cho chàng vô!  
Nam: - Nhà em phụ bạc đá đình  
Sấm ra hai ngô để nghinh ông bà!*

*Nữ: - Gặp chàng đây trao ngao cho chàng cầm,  
Cầm về bỏ ảng mà ngâm  
Nước ra mà uống, ngao cầm mà chơi!  
Nam: - Bạn trao ngao thì để ta cầm  
Cầm về bỏ ảng mà ngâm  
Nước ra đôi chén cầm về cho nhạc gia  
Ông uống rồi ông lại thở ra,  
Khen cho thằng rẻ ở xa (mà) hiếu tình.*

*Nữ: - Nhà thiếp nhà rường tán đá, cửa sổ chạm tứ thời  
Ngoài vườn đặng vật thanh ba  
Những cam, những quýt chín đà thậm hung...  
Nam: - Ta không ham nơi nhà rường tán đá cửa sổ chạm tứ thời*

---

<sup>89</sup> *Lặt*: bị thiến. Sử dụng phương thức lái trong tiếng Việt.

<sup>90</sup> Tương truyền cô Xuyên ở Hoà Phát, Hoà Vang khi đang hát địt ra tiếng kêu, cô hát lên câu này để xin thứ lỗi.

*Ta ham là lam phụ mẫu bên thiếp đứng thứ nhì quận công  
Ham vui chuộng lạ xướng ca  
Đàn ông có cái nó, đàn bà họ mới ưng  
Nói ra các chị em mình  
Tui đây cũng có cục cưng bằng trái bầu  
Chị mô đòi thuốc, đòi trâu tui cũng không.  
Chị mô lỡ lừa chưa chồng  
Mình tui, mình chị cho bông cục cưng  
Hồi mô lỡ rún chị sung sung  
Trong mình khang khác nói chừng cho tui hay!*

Thực tế một cuộc hò khoan, hát xạo không diễn ra được lâu trong buổi huê tình, bởi bạn hát ít tham gia vì có tính cá nhân và đôi khi kịch tính đẩy lên điểm đỉnh, các bạn nữ thường lảng tránh kiểu hát xạo, do đó họ không tiếp lời. Ngày nay ta tìm lại những câu hát xạo thời trước là rất ít, chiếm một tỉ lệ không nhiều so với hát nhân ngãi. Thời gian dành cho hát xạo chừng nhai dập bả trầu là đã chuyển sang lời lẽ và giai điệu trữ tình của cuộc vui. Thanh niên nam nữ nóng lòng, họ cảm thấy khuya và than:

*- Bữa ni giọng tắt tiếng khan  
Không ai đi chợ Tuý Loan cho tui gởi đường.*

*- Hát chi hát mãi hát hoài  
Bắt tui hát miết cho lòi cái xương hom.*

***Hát nhân ngãi.***

*Nữ: - Bữa mô chàng đi chơi  
Ghé vô nhà thiếp thăm chơi cho biết nhà  
Nhà thiếp nhà rường, tán đá cửa sổ bàn khoa  
Ngoài vườn đặng vật thanh ba*

Những cam, những quýt thậm đà rất hung  
Cây lê cây lựu cây tùng  
Bòng, chanh, trắc, quýt tứ tung cả vườn  
Trước sân có luống hẹ hành hương  
Trong nhà có một cái rương đựng đồ  
Hàng Tàu, lãnh Bắc lương sô  
Ruộng sâu năm bảy mẫu, lúa chín khô ngoài đồng  
Bữa ăn chả phụng, nem công  
Gạo lúa nhe thượng hạng nấu nồi đồng vỏ cua  
Mâm sơn bát sứ, đĩa ngự thêu thùa  
Đũa mun bịt bạc, không thua chi cảnh chàng!

Nam: - Nhà em giàu ít kẻ muốn vô  
Nhà rường trống lộng chỗ mô cũng thấy trời  
Ngoài vườn không thiếu vật chơi  
Màng màng cỏ cú mọc thời lưu niên  
Rau dền, rau má mọc riêng  
Lại thêm cỏ chỉ mọc thì bò lan  
Trong nhà có một cái giàn  
Một trăm tám đặm, một ngàn lá toi  
Nhìn xem hai cái nón cời  
Vài gùi giẻ rách, dạ em thời curu mang  
Ngoài đồng trâu ruộng tràn khang  
Tới mùa lúa chín gặt tràn lan ngoài đồng  
Chiều nào bà chủ hỏi công  
Lúa ai gánh về nhà nấy, xách giăng không mà về  
Nồi đất nấu sắn, lại khét lại khê  
Đổ ra chắm muối lại khen ngon lành  
Bữa ăn năm, bảy chén sành  
Cái sức cái mẽ, cái lành cũng răng cưa  
Bữa ăn đĩa sắt, không mua chi tốn tiền!

Cuộc vui ở vào giai đoạn giữa cuộc, sâu lắng trữ tình nhất, lời hát mềm mại thiết tha, gắn kết được trao gửi và hứa hẹn cho nhau. Có thể có đôi nam nữ tâm đầu ý hợp, họ tách riêng ra, tìm đến một cách giao duyên khác, chẳng hạn hát giao duyên qua ống. Ở hình thức này tâm tình tự sự được bộc bạch chân thành, quyết liệt hơn.

Cuộc vui lại được tiếp tục:

**Nữ:** - *Ở nhà buồn bực lắm thay  
Ra đi mua quạt đung ngày gió xuân  
Chón đông người mắc cỡ lắm người dung  
Thương không ai biết ghét đùng ai hay  
Miệng thế gian nhiều kẻ thày lay  
Cực chàng chín rười, khổ thiếp đây mười phần  
Miệng thế gian bèn tựa gươm thân  
Thương nhau thì để bụng,  
đùng ngồi gàn họ nghi.*

**Nam:** - *Gió đưa sột soạt mái tranh  
Chim quyên uốn lười trên hành thiên hương<sup>91</sup>  
Duyên tình qua mây mặt lại thương  
Xa nhau một lúc nghĩa can thường đón đau  
Dẫu đói nghèo ăn một miếng rau  
Đàng lên, ngõ xuống, mình thấy nhau cũng  
thoả lòng.*

hoặc đôi khi:

**Nữ:** - *Xưa rày vắng bạn đã lâu  
Bữa nay gặp lại xin hỏi đôi câu cho rõ ràng  
Kẻo đồng bào nhiều kẻ hoang mang*

---

<sup>91</sup> *Thiên hương*: không có thật, thiên hương là hương của trời, hoa của đất. Tỉ dụ người rất đẹp. Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du có: *Kiếp hồng nhan có mong manh, Nửa chừng xuân thoát gẩy cành thiên hương.*

Hiện nay cuộc trường kỳ kháng chiến  
bước qua giai đoạn nào ?  
Tinh thần đánh Pháp ra sao, lực lượng hấn  
mạnh yếu thế nào bạn kể ra ?  
Em đây là phận đàn bà  
Nam nữ bình đẳng rứa mà cũng chưa thông  
Bạn ơi chớ kể chúa công  
Phân qua cho em rõ, kéo em không tỏ tường !

**Nam:-** Hôm nay gặp lại, bạn hỏi liền  
Anh đây là phận thanh niên  
Dầu em không hỏi, anh vẫn kể tường em nghe  
Vừa rồi trong chiến dịch hè  
Đánh đường số một, bộ đội ta đánh mấy  
đoàn xe nhào đầu  
Trường kỳ kháng chiến ta phải đánh lâu  
Hiện nay ở giai đoạn cầm cự, sửa soạn bắt đầu  
tổng phản công  
Lực lượng của mình em có biết hay không ?  
Vũ khí ta tương đương với Pháp,  
quân lính ta đây đã lớn nhiều  
Anh vì em đã phân tỏ đôi điều  
Nhớ câu nam nữ bình đẳng, cự đương  
với quân thù.

**Nữ:-** Em đây nghe anh nói nửa tin cũng nửa ngờ  
Lực lượng mình tương đương với quân Pháp hay  
là anh nói chơi  
Tàu bay Pháp nó bay nửa vòng trời !  
Xe tăng, thiết giáp chạy thời liên miên  
Ô tô kẻ cả hàng thiên  
Ca nông, đại bác nó bắn liên miên tới ngày  
Giao thông liên lạc bằng máy bay  
Ban ngày đi cướp bóc, tối thời hát ca

Lại lòng bắt hết heo gà  
Về ăn sung sướng, sao anh mà nói thua?  
Giúp đồng bào không lẽ em phân bua  
Xin anh phân rõ sự hơn thua cho em tường.

**Nam:** - Em ơi, đừng tưởng thế mà làm  
Tàu bay, tàu thủy, tàu ngầm mà chi  
Ô tô, thiết giáp ta đánh thì cũng tiêu  
Lấy tinh thần, lực lượng ta so sánh  
cũng hơn nhiều  
Hai chiến sĩ cảm tử cũng đánh tiêu một đồn  
Đây anh kể sơ một trận con con  
Chỉ tốn mấy viên đạn, hót cái đồn Giáng Nam  
Quân giặc súng máy hàng trăm  
Bộ đội ta về hoạt động, nó vẫn nằm im khô  
Ca nông nó bắn ồ ồ  
Bắn thời hết đạn, có chết chi mô đó em tề  
Từ thất bại nọ tới thất bại tê  
Ô tô nó chạy ê chề cũng hết xăng  
Kể gì thiết giáp xe tăng  
Bộ đội ta đánh một trận, mười bốn chiếc  
đổ ở đồng Giáp Ba  
Đó là tình hình chuyển biến  
của lực lượng nước nhà  
Còn trên thế giới cũng lo hoà bình  
Đây anh đã kể rõ sự tình  
Hỏi thăm bạn, có hỏi chi mình nữa không ?<sup>92</sup>

Đêm đã khuya, cuộc nhân ngã chuyển sang đoạn kết thúc, xa cách, nhớ nhung.

---

<sup>92</sup> Ghi tại xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang.

**-Đoạn (chia tay) già bạn:**

Ở chặng này, những lưu luyến được tỏ bày. Lúc này đêm đã khuya, trăng xế trên đầu. Họ chuẩn bị chia tay:

**Nam:-** *Bạn ra về lòng ta khô ta héo  
Bạn ra về không lẽ ta réo ta kêu  
Nghiêng tai giữa gió ta bảo nhỏ đôi điều  
Ai xa mặc họ hai đứa mình nghèo đừng xa.*

**Nữ:** *- Hai đứa mình nghĩa nặng tình thâm  
Nắng buồn lá liễu, mưa dầm đọt lê  
Thôi thôi đó ở, đây về  
Đừng rung rung nước mắt ngọc mà ủ ê gan vàng.*

**Nữ:** *- Ngó lên trên trời trời cao lồng lộng  
Ngó xuống dưới biển, biển rộng chơi vơi  
Rạng ngày mai mỗi đứa một nơi  
Bưng chén cơm lên để xuống,  
không vơi hạt nào.*

**Nam:-** *Đường đi lên thanh thanh dẫu dẫu  
Đường đi xuống lúu riu hạt châu  
Bạn với ta thương nhớ đã lâu  
Ai bày mưu cho bạn, bạn dứt câu ân tình.*

Cuộc hát hò khoan đối đáp nhau bắt đầu chia tay, họ hẹn nhau vào một lần trăng khác:

**Hát tiễn**

**Nữ:** *- Chàng về trên nớ, thiếp ở lại dưới ni  
Loan xa phụng cách, khó làm ri bó trời.  
(Khoan hó hời là hò khoan)*

**Nam:-** *À ơi... Bao giờ cho liễu xa đình*

*Hạc kia xa hương án, hai đũa mình mới xa.  
(Khoan hổ hời là hò khoan)*

**Nữ:-** Trăng lên vàng vạc đứng đầu  
Đông hồ tí tách, trống trên lầu điểm ba<sup>93</sup>  
Tai nghe giọng đé, tiếng gà  
Đêm dài ngày ngắn xót xa mối tình  
Tay anh bung chén rượu ngọc quỳnh  
Chân quỳ tay rót nếp mình tạ đũa  
Tạ người tình cũ nghĩa xưa  
Trọn niềm trăng gió, đón đũa hẹn hò  
Một sông, một bến, một đò  
Hợp tan, tan hợp, phú cho đất trời.

**Nam:-** Lui gót ngọc, châu rơi lã chã  
Đũa tình nhân buồn bã ra về  
Sầu un un lệ ứa đê mê  
Nguyệt ơi bỏ nguyệt tứ bề sáng soi  
Trăng ơi! Khoan lặn non Đoài<sup>94</sup>  
Để ta đũa người ngọc một hai chặng đường  
Người thương ơi hỡi người thương  
Dầu cho xa cách ta đừng quên nhau  
Rưng rưng tay nắm chặt tay  
Thủy chung ta giữ vẹn, có ngày gặp nhau.<sup>95</sup>

---

<sup>93</sup> Điểm ba: trống điểm canh ba.

<sup>94</sup> Non Đoài: cung Đoài, về phương hướng chỉ phía tây. Trời tây.

<sup>95</sup> Xem *Hò khoan Quảng Nam-Đình Thị Hựu-T/c Nguồn sáng dân gian*. Số 3/2002. Tr 23.  
*Những điệu hò xứ Quảng* - Trần Hồng – Nxb Đà Nẵng 2004. Tr 24.





*Diễn tuồng (Ảnh: tư liệu)*

### ***Hò đưa linh trên cạn***

Có thể tìm thấy được trên khắp các làng (xã) vùng Hoà Vang điệu hò đưa linh, tuy mỗi địa phương mà có câu từ và độ dài ngắn khác nhau, tuy nhiên vẫn trên tinh thần tiễn đưa người quá cố về nơi an nghỉ ngàn thu, tiếc thương, động viên người còn sống với trách nhiệm với người, với đời:

*-Đệ bàn hương án (ư ừ) nén hương(ư ừ) xông(ư hò)  
 (Hò hò) đưa linh,(ư ừ ư ừ) đưa linh (i) lên đường  
 Gió (i) mịt mù trời thu ảm đạm (ư ừ ư ừ ừ ừ ừ)  
 Đẻ (i) quan tài hoài thảm, (i) hoài thương  
 (Hò hò) đưa linh, (ừ ư ừ) đưa linh (i) lên đường (ư ư ừ ư ừ).<sup>96</sup>*

hoặc: - *(Hò hò) đưa linh cho linh yên mồ  
 Ôn sâu tựa biển, ơn khôn xiết kể (ừ ừ ừ ừ ư) cho linh phản hồi.*

<sup>96</sup> Xem: *Những điệu hò xứ Quảng*- Trần Hồng- Nxb Đà Nẵng, 2005.

hoặc: - (Hò hò) đưa linh (hum hừ hừ). A đưa linh ai  
phản (ơ) hỏi.

Ai đem chiếc (ư) thuyền lan qua biển bắc, (ư ơ ơ ư ư)

Không (ơ) cho (a) chim nhận đậu (ư ư) chón (ơ) non (ơ) đoài.

Không (ơ) cho (ơ) (ơ) chim nhận đậu (ư a) chón (ơ) non (ơ)  
đoài.

(Hò hò) đưa linh (hum hừ hừ)

(A) đưa linh (ơ) phản (ơ) hỏi.

“Nhu ta đây, quê ngụ vùng Sơn động, ngô biểu tự Tổng sinh,  
thừa lệnh trên cấp tốc bôn trình, xuống trần thế đưa linh cứu về  
miền cực lạc” (hay Tây trúc, hoặc chón vĩnh hằng).

Tổng sinh hô: “Hỡi bốn đội. Đội tề tu chỉnh túc, hiệu lệnh chớ  
đơn sai, truyền bốn đội tề lai, đáo án tiền hành lễ”.

“Hỡi bốn đội ! Linh truyền bốn đội đặng chúc huy hoàng, đáo  
án nội ngô hầu trình diện. Nghe!” Đội âm công đồng thanh “dạ”  
một tiếng lớn.

Tổng hô tiếp:

“Hỡi bốn đội ! Việc tử sinh kim cổ thường tình, sự quy ký già,  
tử sanh nhất độ. Nay tử hiếu chủ phụ (mẫu) thân phùng số, kỳ chí,  
kiến giá thăng xa. Truyền bốn đội tề lai tỵ án tiền nghiêm túc.  
Nghe.” Toàn đội âm công “dạ” vang một tiếng.

“Thưa chính quyền quý cấp, sau thừa cùng họ tộc với nhà  
tang, nay hương linh đà cõi hạc thăng xa (xướng tên làng) đội âm  
công trình diện.

Tổng xướng to, rõ. Sau đó múa may hai tay, lúc dịu dàng, lúc  
giận dữ:

## **Than:**

*(Chớ) hương linh ông (bà) ơi (xấp)<sup>97</sup>  
Trước linh cữu hương đăng phụng tiến  
Nguyện linh hồn cực lạc tiêu diêu<sup>98</sup>  
Hồn ma bóng quế dập dìu (xấp)  
Như anh em ta đây  
Tay vin quả phúc, tay trèo non non.*

## **Nam ai:**

*Đoái non non ngâm hồn dương thế (xấp)  
(Chớ) Tội lắm hương linh ơi  
Chân dò lân ngạn liễu, kê mai (xấp)  
Vong linh ơi:  
Ai làm thái huệ gây chồi, lở hồn đánh hổ sóng dồi sông  
Ngân.*

(Ngày nay, nếu người chết có tham gia kháng chiến, những người có công với làng nước thì thêm):

---

<sup>97</sup> *Xấp*: lặp lại lần nữa lời than vãn trước đó.

<sup>98</sup> *Hồn*: Theo Đào Duy Anh trong sách *Việt Nam văn hoá sử cương* – Nxb VHNT, Hn 2000. Tr 247-248 - *Hồn* là cái linh phụ vào phần khí của người, là phần khinh thanh, người ta chết thì bay lên không; còn *phách* là cái linh phụ vào phần hình của người, là phần trọng trọc, khi người ta chết thì tiêu xuống đất. Đàn ông có ba hồn phụ vào tam tiêu (gồm miền miệng trên dạ dày là thượng tiêu, miền giữa dạ dày là trung tiêu, miền trên bàng quang là hạ tiêu) và bảy phách (vía) phụ vào thất khiếu (là bảy cái lỗ trên mặt: hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi và miệng), đàn bà thì có chín phách (vía) phụ vào cửu khiếu (thất khiếu với hai khiếu: lỗ sinh) Những số mục và vị trí của hồn và phách như thế chỉ thấy ở trong sách đạo giáo chứ dân chúng thì chỉ tin rằng thân thể người ta bất tỉnh thì hồn ấy thoát ra khỏi thân thể trong nhất thời, khi người ta chết thì hồn ấy lìa hẳn xác mà thành ma quỷ. Theo quan niệm phổ thông thì hồn là tinh thần của người chết (đối với người chết thì có lễ phục hồn, lễ gọi hồn), còn phách là tinh thần của người sống (đối với người sống thì có lễ đốt vía những người xấu vía, lệ hủ vía những đứa trẻ vì ngã mà đau ốm, lệ gọi vía sống), thực khí và lỗ đít.

*Thương (hại) vong linh làm ri đây (xấp)  
Lúc thanh xuân gặp thời tao loạn  
Lìa gia đình ra gánh vác việc giang sơn  
Biết bao phen lặn lội sa trường  
Nơi làn bom đạn lạc  
Nay hoà bình  
Sức yếu về cùng với địa phương  
Chung tay xây dựng quê hương  
Nay lâm cơn bịnh hoạn  
Vong linh đà lìa trần về nơi âm cảnh.*

Tổng sinh gõ hai tiếng sinh, chuyển sang nói lời:

*Hương linh ơi !  
Nay hương linh đà ra đi trước  
Nẻo hương lân lân lượt theo sau  
Biết lấy chi trả thảo cho nhau  
Dâng hai lạy đưa người vĩnh biệt.*

Tổng sinh nhìn lại đội âm công rồi quay mặt vào hương án. (Ở đoạn than, nam ai, nói lời này, gia chủ, tộc họ khóc nhiều, người đi phúng điếu, chia buồn nán lại xem rất đông. Trong việc tang lễ, lễ trình diện được xem là bi ai nhất, lời cuốn nhiều người trong làng đến dự nghe, thương tiếc, nhất là người có tuổi).

Tổng sinh hô:

*“Truyền bốn đội, kính dâng hai lạy. Nghe !”*

Âm công “dạ” vang một tiếng. Lạy !

*“Một lay đưa hồn xuống suối vàng”*

Lay xong đứng lên.

Tổng sinh hô:

*“Hương linh ơi  
Nay hương linh đi rồi  
Xóm vắng hình  
Nhà vắng tiếng (xấp)  
(Chớ) tội lỗi ông (bà) ơi  
Hai lay đưa ngàn thu vĩnh biệt  
Xa miền trần gian”.*

(Đoạn trên, nếu người chết còn trẻ, là nam), Tổng sinh hô:

*Vong linh ơi  
Nhứt nhứt đồng sản chung dạ ái  
Nhứt nhứt phu thê bá vạn ân  
Chia ly làm ri đây ai chẳng động lòng  
Thôi thôi !  
Đệ án hương chi sá lênh đênh  
Cho người biết vị thê báo hiếu  
Đò âm dương vội giục  
Xe vân lộ đưa đường  
Trách ông xanh sao khéo rẽ phân  
Nơi gia nội mai chiều trông vắng vẻ  
Thôi ông ơi !  
Sanh ký già tử hệ quy già  
Nhạn lạc đường ngôi khóc kêu sương (xấp)  
Như vợ chồng ông đây (chừ)  
Vui bên nhau chưa được bấy nhiêu ngày  
Nay chừ (xấp)*

*Sầu ly biệt kết thành muôn vạn thuở  
Đây ông ôi !*

Gõ hai tiếng sinh.

Tổng sinh hô:

*Hỡi bốn đội !  
Việc trình diện nay đã thành sự  
Ta chánh quyền các cấp dưới trên  
Truyền khinh thân ký túc<sup>99</sup> hai bên  
Nhập hai hàng đồng lai giao diện. Nghe !*

Toàn đội “dạ” vang một tiếng. Sau đó Tổng gõ hai tiếng sinh, đội âm công chuyển đội hình từ hàng tư sang đồng lai giao diện. Nhận xong lễ tạ ơn đội âm công, Tổng sinh hô:

*“Hỡi bốn đội !  
Nay tang chủ có lòng báo đáp  
Anh em ta khư tỵ<sup>100</sup> phân minh  
Cúi đầu từ linh cứu đảng trình  
Ra ngoài ngõ nghỉ ngơi  
Tới giờ sẽ đáo lai tại sự. Nghe !*

Toàn đội “dạ” một tiếng lớn.

Đội hình chuẩn bị di chuyển kéo ra thành lòng một (hàng một), Tổng sinh hát theo điệu Hồ đưa linh:

---

<sup>99</sup> Ký túc: chân đi nhẹ nhàng.

<sup>100</sup> Khư tỵ: tập trung lại nghỉ. Uống rượu, ăn trà - Trong lúc “đồng lai giao diện” không thể có cỗ bàn được.

*Hương linh ơi !  
Con khói lửa (có thể là hoàn cảnh nào khác)  
Gia đình ông (bà) đùm bọc  
Nay hoà bình ông (bà) không gắng sống ít năm  
Để nhắc con, bảo cháu ông ơi !  
Lời nhắn nhủ ngàn vàng khôn sánh  
Nghĩa sinh thành như hải như sơn.*

Vừa di chuyển đội hình lòng một, vừa hát:

*Hương linh ơi !  
Hương linh hỡi  
Hương linh hỡi ...là hương...  
Đoạn can trường là đoạn can trường  
Lụy ứa chứa chan  
Mấy thu sang dậm đàng man mác  
Đệ quan tài  
Đệ quan tài  
Hoài cảm hoài thương  
Tiết đao trung thu (hoặc mùa nào đó)  
Là bớ tiết ơi ! Tiết ơi !  
Vì ai nên tiếc rẻ  
Lan huệ sâu ai mà vắng vẻ lúc đêm đông  
Kìa ai đó vợ, đây chồng  
Đầu gánh, đầu gồng  
Đầu vợ, đầu con  
Kìa ai kêu khóc trên non  
Hay là vợ ông đồ trèo hòn đá vẩy  
Đường đi chín tháng mười ngày  
Thương ai sưng sốt, tay chân rụng rời  
Thương anh, (mà) em để có nơi*

*Còn thương ai nữa (chớ) thời trời đất hay !*

Toàn đội ra ngũ nghỉ, chờ giờ vào di quan.

Tổng sinh nhún nhịp nhàng trên hai chân. Hô:

*Hỡi bốn đội !*

*Đội tề tu chỉnh túc*

*Hiệu lệnh chớ đơn sai*

*Truyền bốn đội tề lai đáo án nội, lễ nghinh  
linh cữu. Nghe !*

Đội “dạ”

Kéo vào hai hàng, mỗi hàng một vị đầu roi đi trước. Tổng gõ hai tiếng sinh.

**Nam ai:**

*Lễ nghinh linh cữu đang trình*

*Nghe sinh hiệu lệnh*

*Nghe sinh nhạc kỳ*

*Khi vào bái yết linh nhi <sup>101</sup>*

*Kính dâng hai chữ tử quy hảo hoàn*

Tổng gõ hai tiếng sinh

**Nam:**

*Tranh vân cầu thợ trời khéo vẽ <sup>102</sup>*

*Đò âm dương tạo hoá đưa chơn*

*Xin đưa người về chốn âm cung*

*Hồi tiến điện tiêu diêu cực lạc*

*Vong linh ơi!*

---

<sup>101</sup> Bái yết quan tài.

<sup>102</sup> *Vân cầu*: Mây trắng (biến thành) chó xanh (bạch vân thương cầu). Chỉ sự vật thay đổi không thường. Trong *Cung oán ngâm khúc* có: *Lò cừ nung nấu sự đời. Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương.*



*Chẳng biết lấy chi đạm bạc  
Cầu chúc vong linh một câu thệ thệ  
khương ninh <sup>103</sup>  
Sau dăng hai chữ siêu thăng tịnh độ*

Tổng sinh gõ hai tiếng sinh, hô:

*Hỡi bốn đội !  
Nay ta phụng gia nhor tôn mạng  
Tống bá phủ quan tài  
Truyền bốn đội tề lai  
Nhập di quan xuất ngoại. Nghe !*

Đội: Dạ

Tổng sinh nhún người chỉ sinh vào trong (nơi đặt áo quan, múa như một võ tướng cách điệu trên sân khấu tuồng), vừa múa vừa hát. Đội khiêng cỗ quan ra.

Hò đưa linh:

*(Thán rin rin)<sup>104</sup> Hỡi ông (bà) ơi !  
Án tiên làm lễ khấu đầu  
Tuyên đài thọ đức xin hầu đưa linh  
Hò là hò đưa linh, đưa linh, đưa linh  
lên đường  
Gió mùa thu (tuỳ mùa mà hát) mịt mù ảm đạm  
Đệ quan tài hoài cảm, hoài thương  
Hò là hò đưa linh, đưa linh lên đường  
Hò là hò đưa linh.*

(Tang chủ, tộc họ khóc nhiều vào thời điểm này)

---

<sup>103</sup> *Khương ninh*: chúc bình an.

<sup>104</sup> Than nhẹ nhẹ.

**Nam:**

*Ốc thu sương dẫm trường man mác  
Đệ quan tài, hoài cảm, hoài thương  
Hò là hò đưa linh, đưa linh lên đường  
Hò là hò đưa linh  
Đoạn can trường là đoạn can trường  
                  như lụy ứa chứa chan  
Hò là hò đưa linh, đưa linh  
                  đưa linh lên đường.*

Đưa cỗ quan vào linh xa (nhà ma) hoặc lên xe, Tổng gõ hai tiếng sinh cùng với chiêng trống tạo nên không khí bi ai, không gian trầm lắng, u buồn. (Nếu khiêng linh xa trên vai đội âm công, Tổng sinh đi trước nói lời. Đi xe thì không).

**Lối:**

*Hương linh ơi !  
Thức tỉnh dậy mà đi  
Dời gót ngọc lên đường thương lộ  
Đặng anh em tôi đây  
Vô tay hộ giá quan tài lên nhẹ nhẹ  
Từ từ chân bước (gõ sinh)*

**Nam:**

*Từ từ chân bước  
Có hiểm nghèo mới hiểu nỗi hiểu trung*

(Tổng sinh gõ một hồi sinh dài lại ba tiếng, linh xa được nhấc lên vai, đi chậm. Tiếng sinh gõ nhấp nhịp hai tiếng liên thanh liên tục, cóc cóc...cóc cóc... Vừa đi, vừa hò đưa linh như đoạn hò đưa linh trên đến nơi chôn cất).

Tổng sinh hô:

*Hỡi bốn đội !*

*Tử giã đáo huyết trung*

*Anh em nghe lệnh từ từ xuống kiến. Nghe !*

**Đội: Dạ**

**Tổng hát:**

*Hương linh ơi !*

*Chón sơn trung hương linh vĩnh viễn ở lại đây*

*Nơi sơn thượng ký du hai chữ*

*Hai chữ siêu phàm nhập thánh*

*Đầu giã từ phân mộ đời chơn.*

Cổ quan nhè nhẹ đưa xuống huyết, cũng là lúc chiêng trống, nhạc cổ và âm sắc tiếng sinh cất lên một hồi dài đến khi cổ quan được đặt gọn trong huyết. Tất cả đều dừng lại, không một âm thanh nào khởi lên lần nữa. Không gian giản ra nhẹ hẫng. Đội âm công đã làm xong nghĩa vụ tự nguyện của mình.

### ***Hồ đưa linh trên sông biển***

Xưa kia, huyện Hoà Vang có 25 km bờ biển, bắt đầu từ làng Liên Chiêu xuống đến tận bờ biển làng Hoà Hải, lại thêm một vùng biển rộng lớn của xã Định Hải (Hoàng Sa) thuộc Hòa Vang. Thế nên tại các làng ven biển, người dân sống bằng nghề đánh bắt cá là chủ yếu. Tại làng Nam Ô có lăng thờ cá Ông mà các dân chài làng Nam Ô cho rằng đã xây dựng cách nay trên 300 năm. Trong lăng có các hũ sành đựng cốt cá Ông sau khi đã cải táng đưa về. Hằng năm, đến ngày Rằm tháng Hai âm lịch là ngày kỵ Ông, vào ngày này xưa kia dân làng cá tổ chức đại lễ cầu ngư, ca hát bả trạo thật lớn, bà con trong làng ai cũng về dự được. Hoặc dọc theo ven biển đến làng Thọ Quan, Mân Thái, Phước Mỹ...trong lễ cầu ngư có hát múa bả trạo cúng thần được tổ chức công phu, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân các làng chài ven biển.

Hát bả trạo là hình thức xướng ca có vũ đạo kèm theo được thực hiện trên thuyền chài (nay được cách điệu trên sân khấu hoặc sân bãi, đường phố, bãi biển) đang lúc đánh bắt cá trên biển nhằm tạo niềm tin, và hướng về tín ngưỡng dân gian với tinh thần cầu mùa cao thượng; đồng thời qua hát bả trạo là hình thức cách điệu làm tăng thêm sức lao động, sự dẻo dai trong kéo dẩy, chèo bơi.

*Bả* là nắm chắc, *trạo* là mái chèo. *Bả trạo* là nắm chắc mái chèo. Hát bả trạo có vũ đạo đi kèm là hình thức thăng hoa của nghề nghiệp, là động tác chèo ghe trên biển ngay trong cuộc sống thường ngày của ngư dân vùng biển. Bả trạo gắn liền với nghi lễ và với ngư dân do ngư dân và của ngư dân. Hát bả trạo còn được gọi là chèo bả trạo, chèo cầu ngư, chèo cạn, hò rước Ông. Do đó, hát bả trạo do nhân dân làng vạn tổ chức hằng năm trong lễ hội nghinh Ông nhằm tôn vinh nghề biển, cầu được yên, được mùa, ca ngợi công đức của cá Ông với ngư dân. Do vậy tất cả dân làng vạn xem đây là lễ thức chính trong cầu ngư nên đã thu hút mọi người dân làng vạn tham gia nghinh đón Ông và cùng Ông thưởng thức. Trong hát bả trạo thể hiện phong tục, tập quán và nghệ thuật diễn xướng dân gian của dân vạn chài, dần dần trở thành múa hát nghi lễ được vận dụng trong việc tang của nhân dân vùng ven biển và đã trở thành hò đưa linh trên sông biển.

Đội bả trạo luôn có số chẵn từ 10 đến 16 người. Về trang phục hát bả trạo, các vị Tổng mặc áo dài đen đầu quấn khăn nhiễu, con trạo mặc quần áo trắng, chân quấn xà cạp, đi chân trần, đầu và lưng chít khăn đỏ, tay cầm mái chèo (dài ngắn tùy theo). Hát bả trạo có nhạc cổ đi kèm. Toàn bộ cuộc hát được chia ra thành 8 hồi (như 8 đoạn):

1. Tụ quân,
2. Đưa linh,
3. Ra khơi,
4. Đánh bắt cá,

5. Nghi ngơi,
6. Bão tố,
7. Chống bão,
8. Bình yên.

Sau đây là lời hát một cuộc bả trạo cô trên địa bàn huyện Hòa Vang xưa:

### 1. *Tụ quân*

Lái (oán): *Ngư ông tạ thế thậm bi ai  
Công đức u minh thiếu nhơn tri.*

Tổng (oán): *Nhứt thất bất hồi, sâu vỹn biệt  
Thiên thu tịch mịch khái khuê ly.*

Thương (oán): *Sinh cư hải ngoại mưu sinh  
Tử nhập địa trung ký tử thi.*

Tổng (thán): *Ngư ông số tận,  
Tiên cảnh phách hồi  
Tướng ơn xưa khó nổi đèn bồi  
Đồng cúi lạy cư tang thọ chế  
Dạ bụi ngùi châu lệ tuôn rơi  
Từ đây vật đổi sao dời  
Thuyền nan ai kẻ giúp hồi phong ba?*

Bài bông, Tổng truyền: *Bá ban trạo tử (dạ)  
Thần đẳng bá ban trạo tử đồng lai hiến võ  
ca đặng, nghe (dạ).  
Hiến trạo đặng! Hiến trạo đặng!  
Nhiệm dụi dụi hảo thanh hương  
Xuân phát đáo đầu xuân dĩ chí  
Hạ thiên kiệt nhị chiến ngân giang  
Thu nạp đông phong, hoa thành vị  
Đông thiên, động chí nạp sằng sằng  
Hương vạn điện, trâm nghi ai cử  
Trạo ca trình diện, tại lẳng tiền.*

## 2. *Đưa linh*

Tổng (nói): *Tôn linh về cõi Phật*

*Số ngài đã quy tiên*

*Dân phủ phục lãng tiên*

*Lễ trình diện cúc cung nhị bái, (nghe).*

Tổng, trạo (nói): *Nhứt bái tôn Ông hồi Phật giới*

*Nhị bái nguyện hồn vãng tiên phương.*

Tổng (xướng): *Tạ linh số ngữ giải bi ai*

Trạo (nói): *Khiển chuyển trù trì luy triêm y*

Tổng, Trạo (đồng nói): *Hồi đầu vọng bái duyên tiên*

*lập,*

*Cái cái bài khai lưỡng bạng phân.*

Lái (nói): *Nay thuyền đà đến bến giang đông*

*Đưa hương hồn thoát khỏi ðò trần*

*Ở tổng thương soạn diêm, mẽ ðặng ta ra*

*mắt, nghe, Lái khẩn thâm, xong ðốt áo giấy.*

Lái (nói): *Xin vái quan hà giáng phước,*

*Sau sông giang, bến nước chứng tri,*

*Hộ âm binh tốc ðáo hộ trì*

*Cùng tất cả cổ kim tiên bói*

*Giúp ngư dân ðắc lợi*

*Hộ tang chủ ðắc tài*

*Hộ âm binh tốc tốc ðáo lai*

*Ðồng chứng giám thọ kỳ diêm mẽ<sup>105</sup>*

*Hô: ðông phương ðáo lãnh lương, hệ*

*ðáo lãnh lương,*

*Hô: tây...Hô: nam...Hô: bắc...*

*Hô: trung ương...*

Lái (xưng danh): *Tôi nay ở chốn Tân Ðình,*

*Biểu tự xưng: lái quỳnh tự cổ.*

---

<sup>105</sup> Diêm mẽ: gạo muối.

Như tôi đây: đã lắm lúc đưa người qua bể khổ.  
Đà bao phen rước khách khỏi sông mê.  
Thương cho Trạo phu tôi việc chèo bơi liệu điệu trăm bề.  
Còn như tôi đây cơm bát chạy nghĩ ra cũng thậm khó.  
Nay ngài đã về nơi cõi thọ.  
Tạm chiếc thuyền vô để đưa sang.  
Ở trọc phu tương thuyền hoan, chèo quế sẵn sàng. Khai thuyền  
kiếp chèo hầu linh cửu nghe (đạ).  
Tổng (nói): Thủ dương trạo thượng phi phát phát  
Túc di cử bộ phân lãn tẩn.  
Tổng (thán): Công đức ngư Ông tợ hải hà  
Người đời khôn trả đặng thay là...  
Trạo (nói): Hầu lấy ơn chi đến nghĩa nặng,  
Tạm dùng một mái trái chèo qua.  
Tổng (thán): Thảm thiết bấy sao đời vật đổi.  
Cớ chi chúa đức lại mắc nạn.  
Nã nùng thay cảnh lạnh chuông tàn.  
Sao nở người lành mà mang hoạ.  
Như ngài đây!  
Mang tiếng cá lòng đâu phải cá.  
Tài sóng êm, gió lặng cũng tày trời.  
Chẳng phải người mà lòng tốt hơn người.  
Đức rộng ơn dày không kém Phật.  
Khi sinh tiền đại dương ẩn dật.  
Lúc tử hận lục địa mai thi.  
Cõi hồng trần chẳng biết lấy chi.  
Đầu cúi lạy, đưa ngài tiên kiếng.  
Cúi ngửa nguyên chứng kiến lòng dân.  
Tổng (xướng): Hải càn thạch lãng tâm áo mảo  
Trạo (nói): Âm lịch Nam Sơn chi bát di  
Lái (nói): Như ngài đây!  
Sinh tác hải trung chi tướng.

Tử vì địa thượng chi thân.  
Ngài bao phen cứu kẻ hải tâng.  
Khi gặp lúc thủy tai phong vũ.  
Ông lắm lúc độ dân ngư phủ.  
Lúc sinh nhai hải lộc ngư hà.  
Bây giờ đây hai nẻo cách xa.  
Khi gặp lúc phong ba ai cứu trợ.  
Đây ngài ơi! Cứu trợ khỏi dòng thủy ách.  
Lâm giữa trời bờ cách biển khơi.  
Mỗi khi cất tiếng kêu trời.  
Ngài cũng đã tới nơi sẵn sàng.

Tổng (xướng): Sơn xuyên giục tú giai hiển hách,  
Trao (nói): Hà hải chung linh bảo thọ trường.

Lái (thán): Phăng phăng ác lặn non đồi.  
Thẳm thẳm nước ngoài Đông hải.  
Ngày trước đã đón ngăn hải ngoại.  
Lũ ác xà bót dạ hành hung.  
Hôm nay đà ký thác địa trung.  
Đoàn ngư phủ mong lòng đáp nghĩa.  
Đây ngài ơi!  
Đáp nghĩa đền bù ơn trước.  
Cuộc đời như bọt nước sóng xao.  
Về vang thủy tộc danh cao.  
Đời ngài ngăn ngùi khác nào mây tan.

Tổng (xướng): Thương hải tang điền du du cải

Trao (nói): Địa hạt thiên trường tín âm bi

Tổng (thán): Phúc hựu quần sanh, ân châu tứ hải

Thần oai phổ chấn, đức quản vạn dân

Tiết mạnh xuân, trọng hạ, đông quý thu ngài đã tạ trần

Năm tý, sừ, dân, mẹo, thìn, ty, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất

ông đà tạ thế



Tiếc là tiếc hắc bì tượng thể  
Thương là thương hà dĩ thủy chung  
Chẳng phải người mà hết dạ hiếu trung  
Tiếng trung là cá đủ lòng hiến đức  
Khi gặp biến ra tài ra sức  
Sức đôi đầu cùng sóng lớn, gió to  
Lúc ngộ nguy phải liệu phải lo  
Lo điều hộ cho tới bờ tới bãi  
Có làm phúc tử sinh nào ngại  
Đã là nhân nguy hiểm không sờn  
Biết lấy chi trả nghĩa đền ơn  
Thuyền vô để đưa ngài một đoạn  
(Nam) Một đoạn đường trần cam khổ  
Nam mô a di đà Phật  
Vái Phật, Trời phù hộ người ngay  
Sông sâu biển rộng bao ngày  
Gởi thân vào đất giữ rày nắm xương.

### 3. Ra khơi

Lái (nói): Khán kiến thuyền trung hữu thủy  
Quan tường hải thượng vô ba  
Trời tôi tắm đàng tới biển còn xa  
Ở tổng thương (dạ)

Khuyên người khá ra tay tát nước nghe (dạ)

Thương (nói): Lời nhơn huynh đã bảo, tôi há dám sai  
Việc mình làm há để cho ai  
Nên tôi phải lấy gàu tát nước, hà  
(Nam) Tát nước chi nài khô ướt  
Mặt đoái nhìn thuyền nước phải lo.

Thương: Tôi cầm gàu, tát đôi gàu nước, nghĩ lại mà buồn  
Thương là thương mình ngọc đầu chuông  
Nơi Nam hải cứu người hoạn nạn

Tiếc là tiếc công cao danh rạng  
Chôn trần gian vớt kẻ trầm luân  
Nhớ ơn sâu lụy ứa không ngừng  
Tưởng nghĩa nợ châu rơi không ráo  
Chữ thâm ân nan báo  
Câu nghĩa trọng bất vong  
Nhìn hình hài đau đớn tấm lòng  
Nhìn linh cửu xót xa tác dạ  
Đây Ông ơi

(Nam) Ưa đôi hàng lã chã châu rơi.

Tổng (xướng): Từ tế chương linh khâm thánh đức

Trạo (nói): Trợ tín trùng trạm niệm thâm ân

Tổng (thán): Bời câu: phúc bất trùng lai

Lại có chữ: hoạ vô đơn chí

Thân châu ngọc khó bảo toàn hoàn bị

Thời văn minh cơ khí tối tân

Nghề võng la tiến bộ bội phần

Những lưới những nylon giăng khắp biển

Khi tấm tối ngài cần dý chuyên

Rủi lắm đường gặp phải tai ương

Bởi vì chươn hoạ phúc nan lường

Xin ngài khá thứ tha trần tục

Đây, ngài ơi

(Nam) Trần tục tìm phương sinh kế

Đây cũng vì số hệ xui nên.

Thương (xướng): Hắc võng mang mang thiên địa thảm

Sâu vân mịch mịch cảnh vật sầu

Thương (thán): Ó, các chú chèo đàng trước,

Có thấy bóng chi lẩn vẩn dưới lòng ghe không các chú?

Đó là bóng cá Ông điệu hộ thuyền ta

Thuyền chở nặng lúc qua mồm mũi

Gặp giáp nước thuyền gần đắm đuối

Nhờ có ngài dong ruỗi lướt qua  
Ngó trên ghe mấy mạng người ta  
Nhờ ngài giúp tai qua nạn khỏi  
Nghĩ hoàn cảnh ấy càng đau dạ mỗ<sup>106</sup>  
Tưởng tượng hình dạ tợ kim châm  
(Nam) Thương thay ngọc dẫn châu trầm  
Tưởng bao đoạn thảm khó cầm dòng châu.

#### 4. Đánh bắt cá

Lái (nói): Đoái thấy vàng Ô đã lặn  
Nhìn xem ác đã hoàng hôn  
Ở tổng thương! Khuyên người khá gieo  
neo  
Đặng cho mỗ canh giờ nghiêm ngặt, nghe!  
(dạ)

Tổng, Thương (phú lục): Mộc hạ lưu giang, hải tịnh ba kinh  
do thuận ý,

*Thuyền trung hữu đỉnh, phong xi vô giả diệt an tâm.*

Lái (nói): Chừ đêm tàn canh vắng  
Chỉ thấy biển rộng non cao  
Ngày thì xem bọt nước sóng xao  
Đêm lại thấy ngôi sao nhấp nháy  
À, chừ tôi ngồi cũng buồn  
Dụng đôi hồ tửu, ngâm đôi câu thơ cho giải buồn  
(Nói tiếp) Miệng ngâm chén, ngâm thơ Lý Bạch  
Tay cầm hồ, rót rượu Lưu Linh  
Tâm hình hài coi như có có không không  
Bởi vậy cho nên:  
Đạo trời đất cổ kim, kim cổ  
À, nhìn xem cảnh vật thế lương đây.

---

<sup>106</sup> Mỗ: ta, tôi. Đau dạ ta.

“Đêm xuân trăng lãn đám mây ngàn  
 Ngày hạ nắng in ngọn lá vàng  
 Trời thu man mác lá vàng tang  
 Đêm đông lạnh lẽo lá thuyền loan”  
 (Ngâm theo mùa, mùa nào ngâm theo mùa ấy, vật ấy)  
 Rượu cũng lạ thiệt  
 Hần chi, sách có chữ rằng:  
 “Dục phá thành sâu dụng tửu binh” cũng phải đây.  
 (Ngâm) Tưởng tới càng thêm mấy độ xoàng  
 (Nói) Say như ai chứ say như tôi, tôi nhớ đời kia qua đời nọ,  
 nhớ đời Hán có người Vương Mãn  
 (Ngâm) Nào hay Vương Mãn dòi ngôi Hán  
 (Nói) Tôi lại nhớ đến đời Đàng<sup>107</sup> có người nhọn kiệt đây  
 (Ngâm) Hay đâu nhọn kiệt đặng về Đàng  
 (Nói) Nơi đây, trên thì non, dưới thì nước có con chi chi nó  
 bay qua liệng lại cũng lạ thiệt, té ra con phụng đây.  
 (Ngâm) Phụng liệng non cao trời lạnh lẽo  
 (Nói) Con chi cũng lạ thiệt, nơi cây cao rừng rậm nó không  
 đậu lại đậu dọc gành, dọc bãi, làm chi cho nước đổ sương sa, đây  
 người ơi.  
 (Ngâm) Cò ngồi sông Vị mắt nghênh ngang  
 (Nói) Chừ canh thâm, dạ tịnh, chỉ thấy nước chảy quanh  
 thuyền mà thôi đây.  
 (Ngâm) Dòng quyên thông thả phôi chèo quế  
 (Nói) Chừ chắc đã gần sáng rồi nên nước chảy rung neo đây  
 (Ngâm) Biển hồ lai láng đảo thuyền loan.  
 (Nói) Tai nghe kiểng khắc, trống đã điểm canh năm rồi, nhìn  
 Đông đà ló ánh hồng, thuyền bả trạo khá lầy neo, đặng  
 Chéo quá ba mái, nghe (dạ)

## 5. Nghỉ ngơi

<sup>107</sup> Đời Đàng: tức đời nhà Đường bên Tàu.

Thương (hò): *Dòng thuyền tôi láy neo lên  
Đông lòng chúng bạn hai bên đều hò  
Nguyện cùng Trời, Phật chứng cho  
Đưa ngài một đôi, qua đò âm cung  
Cuộc đời sanh tử vô cùng  
Dương trần cõi tạm âm cung muôn đời  
(lóng neo bớ ông lái)*

Lái (nam): *Kéo lỏng neo lần theo dòng nước  
Dạ chi sờn gió ngược, nước xao*

Tông (xướng): *Thán chí thiết hệ ta chí thiết*

Trạo (nói): *Ca thả ai hệ võ thả ai*

Tông (thán:) *Nhứt tất bắt hồi ai mặc tận*

*Thiên thu vĩnh biệt luy nan thân*

*Nhớ ơn xưa thêm nỗi thảm sâu*

*Thương nghĩa nợ tất nên áo nã*

*Luy ứa đôi hàng không ráo*

*Ruột tằm chín khúc quấn đau*

*Nhìn bốn phương mây trắng một màu*

*Ngó tứ phía nước xanh muôn trượng*

*Nghĩ chừng nào càng tưởng càng đau.*

Lái (nói): *Buồm chèo giá giữ gìn, chớ mưa hệ sai lậu*

*Từ từ nơi bãi chấu, phăng phăng vài gành ghé*

*Dương một tấm buồm lê, bắt mắt trông chừng vi thủy*

(Nam) *Bắt mắt trông chừng vi thủy,*

*Tưởng tượng hình châu luy tuôn rơi*

Tông xướng: *Hắc vỏ mang mang toản*

Trạo nói: *Sầu vân ám ám khai.*

Thương thán: *Xưa Đình trưởng nghị thuyền đưa Hạng Võ Qua  
bến Ô Giang,*

*Ngư dân ta sinh kể một thuyền nan*

*ngài số tận gọi thân cho vạn*

*Trước cảm ơn hương dân, lái bạn*

*Dắt dìu ngài đến bãi đến bờ  
Lúc sinh tiên phủ phủ nương nhờ  
Khi tử hậu làm ngư sao phải  
Đây, các bạn ơi*

*(Nam) Tử hậu làm ngư sao phải  
Đó cũng là nghĩa lại ơn đi  
Để ai: “Kiến nghĩa bất vi,  
Tích thiện phùng thiện” rui thì cũng may.*

*Tổng (nói): Nghĩ như các nước văn minh Âu Mỹ  
Có hạm to, tàu lớn vượt trùng dương  
Dân miền Nam ngư nghệ tâm thường  
Dùng những loại thuyền nan, thúng nhỏ  
Hồi biển lặng nhờ lộc ngư mới có  
Đem cá vào trăm họ ẩm no  
Lúc gặp hồi sóng lớn, gió to  
Cũng nhờ có ngài giúp đỡ  
Bây giờ đây cỡi trên đà xong nợ  
Sóng thì linh thác lại cũng thiêng  
Giúp ngư dân tài lộc liên miên  
Để có bạc, có tiền nuôi sống  
Đây ngài ơi!*

*(Nam) Nuôi sống qua cơn nghèo khổ  
Vái thánh, thần phò hộ chúng dân.*

*Lái (nói): Nhìn biển bắc lao xao sóng dợn  
Ngó non nam chớp nháy đông ra  
Thuyền trạo phu chớ khá bốn ba  
Gieo neo xuống, nghỉ tay một lát (nghe)!*

*(Dạ) Truyền cùng phách nhứt, chú khá chịu phiền  
Khá ra tay gìn giữ nội thuyền  
Lại gắng sức xem trời ngó nước, nghe (dạ)!*

*Tổng (nói): Lời nhơn huynh đã bảo, tôi vâng lệnh sẵn sàng,  
Xin nhơn huynh mặc sức nghỉ an*

*Việc canh gát để mình tôi canh liêu, à!*  
Tông (bình thơ): *Ra đi là phận đã liêu*  
*Mira mai không biết, nắng chiều nào hay*  
*Thuyền tôi đưa khách chẳng may*  
*Chở người xấu số nghĩ thay mà buồn!*  
Nói: *Như tôi, đi lâu ngày buồn bực, nhớ quê cảnh mà*  
*sầu, âu là soạn cần nọ ra câu, cho giải sầu khi*  
*đêm vắng. Cảnh này chưa ai câu đến, nhưng*  
*đất cũ đãi người mới, con ráng mà ăn đi!*  
Ngâm: *Vị thủy cá kia luồng trông môi*  
*Ta nhớ xưa có ông Lữ Vọng, đầu đã bạc, tuổi*  
*đã cao cũng lăn lộn với đời, mượn thú sinh*  
*nhai đây.*  
Ngâm: *Một cần vò vọ dưới trăng khô*  
*Hèn chi sách có chữ rằng: Trì dã nhạo thủy*  
*Nhơn già nhạo nhơn cũng phải đây.*  
Ngâm: *Thong thả dạo chơi non cùng nước.*  
*Như tôi đây là thân nam nhi từ hải chi gia, sớm*  
*dạo gành kia, chiều về biển nọ, cũng khổ đây!*  
Ngâm: *Lênh đênh mặt biển đứng lại ngồi.*  
*Chừ cá đã hết chờ ăn mà gió đã nồng rồi đây.*  
Ngâm: *Biển nọ gió vầy cơn sóng dợn*  
*Một thuyền neo giữa biển, chỉ thấy giòng nước quanh thuyền*  
*mà thôi.*  
Ngâm: *Nguồn kia nước đổ lá thuyền trôi.*  
*Chừ canh tàn, khắc lụn, cá hết chỗ ăn, thôi*  
*đẹp cần lại, dụng tửu thi giải muộn à!*  
Nói tiếp: *Rượu Lưu Linh tay chước, thi Lý Bạch miệng*  
*ngâm, uống đôi chung để giải muộn lục canh*  
*thâm, thi một cuộc phá sầu khi dạ tịnh, rượu*  
*cũng lạ thiệt. Tôi nhớ có chữ rằng: “Sự đại như*  
*thiên ty diệt hưu” cũng phải đây!*

Ngâm: *Một chén huỳnh tương giải cuộc sầu  
Nhớ chữ hạp cái ngũ hồ song Phạm Lãi, dạo  
chơi măn hồ bốn biển cũng vui thay đây!*

Ngâm: *Năm hồ thông thả chí mảy râu  
Đi ra chơn trời mặt biển, của nhà xa cách, chỉ  
thấy nước cùng non mà thôi đây!*

Ngâm: *Kìa nước nước, non non thêm nổi thảm  
Chờ con sông cách trở, biết liệu làm sao đây?*

Ngâm: *Xa cha cách mẹ đồ dòng châu!*

Lái (nói): *Nay đã ba hình hải tịnh, nhìn đà nhứt xuất  
đông phương, dặng quan hà còn hãy ra đường.  
Ở Tổng thương! Khuyên người khá lấy neo,  
đặng chèo cho sớm, nghe (dạ).*

## **6. Bão tố**

Thương (hò): *Đồng lòng cùng mỗ lấy neo,  
Sóng êm, biển lặng thuyền chèo bốn ba  
Đò trần một mái một xa  
Tông chừng giác ngạn lần qua diêm thành  
Bơ vơ mặt biển đầu gành  
Biệt ly hai chữ sao đành, trời ơi!  
(Nói) Lồng neo ở ông lái...!*

Lái (nam): *Kéo lồng keo thuyền chèo tách dặng  
Chốn cứu tuyền càng thăm càng xa.*

Tông (xướng): *Công danh bán thế đồ lao nhứt,*

Trạo (nói): *Linh lạc kiêm triệu biệt đoạn tình.*

Tông (lý): *Bởi không may, người ngay mắc nạn nghĩ  
là buồn, số mạng hên xui.*

Nam (hò): *Khiến xui nên cảnh chia ly  
Non sông còn đó, ngài đi phương nào*

Thương (lý): *Lụy láng lai quan tài đây nắp  
Dạ bụi ngài hương thấp, đèn chong.*



Nam (hò): *Thắp chong chỉ một đêm nay,  
Mai nằm đáy huyết, khổ rày tâm thân.*

Lái (lý): *Người hiền lương, mắc đường sinh tử,  
Giống mập xà hung dữ sống lâu.*

Nam (hò): *Trách thay tạo hoá cơ cầu,  
Của ngon vật lạ dễ đâu được bền.*

Tông (thán): *Trời sinh người đã trăm năm hẹn  
Nhơn sao mới nửa chừng cách biệt hai phương  
Lúc sinh tiền ngài trú ngụ đại dương  
Khi tử hận ký thân lục địa  
Người ngư nghiệp đền ơn, đáp nghĩa  
Lúc hành thuyền ngài cải tử hoàn sinh  
Nay hồn quy về cõi thiên đình  
Việc sinh tử tiếc đà khó tiếc,  
Đây ngài ơi!*

Nam: *Sinh tử nào ai không tiếc  
Kẻ dương trần khôn xiết lòng thương.*

Thương (thán): *Tang thương cuộc biến quan nhạc  
khí thêm*

*Kiếp phù sinh thắm thoát tợ bóng câu  
Cơ tạo hoá xoay vần dường ánh thợ  
Khi ngài trốn gành kia, mũi nọ  
Để cứu người giữa đám phong ba  
Chừ chón thiên cung, một bước một xa  
Con nguy biến biết ai mà nương đỡ,  
Đây Ngài ơi!*

(Nam) *Nương đỡ thoát vòng hoạn nạn,  
Thương ông hiền lai láng giòng châu.*

Lái (nói): *Đoái thấy vắn ô đã lặn,  
Nhìn xem nhứt dĩ trâm tây,  
Ngó trời đà tạnh gió tan mây.*

*Ở tổngthương!*

*Gieo neo xuống cho trạo phu an nghỉ,  
nghe (dạ).*

*Người khá tóm neo cho chặt, lo tát nước liên miên,  
Phó nhà người gìn giữ nội thuyền,  
Trước canh gát lại xem trời, ngó nước  
đó, nghe (dạ).*

*Thương (nói): Lời nhân huynh đã bảo, tôi phải gắng  
Công, xin nhơn huynh an nghỉ giấc nồng, việc  
canh gác để mặc tôi xong lướt.*

*Nam: Canh gác mặc tôi xông lướt  
Mặt đoái nhìn thuyền nước phải lo.*

*Thương (tát): Tôi cầm gàu tát đôi gàu nước  
Nghĩ lại mà thương  
Nhớ Ngài xưa ẩn dật đại dương  
Mong cứu kẻ sa cơ thất thế  
Tiếc là tiếc vàng chìm sông lệ  
Thương là thương ngọc đắm non cao  
Sách có câu “Hoạ phúc vô môn”  
Lại có chữ “Tử sanh hữu mạng”.  
Đây Ngài ơi (Nam)  
Có chữ “Tử sanh hữu mạng”  
Nhớ Ông hiền lai láng giòng châu.*

*Nói tiếp: Tát nước kia đã ráo, ngó bả trạo đã ngơi  
âu là soạn cần nọ câu chơi, đặng xem trời,  
ngó nước, à!  
Chừ hàng thuyền vắng vẻ,  
Nên soạn cần, câu đôi con cá,  
Ngâm đôi câu thi, ngó bên ni cũng một mình,  
Ngó lại bên kia cũng một mình  
đây!*

*Ngâm: Một mình vò vọ giữa dòng sông*

*Như ri là phận hàn vi, nào quản lao đao. Thân  
bình thủy chi nài khó nhọc. Thức rà rằm thâu  
đêm mà chưa thấy cá rứt, biết liệu làm sao đây!*

Ngâm: Cá ẩn gành kia, luồng ngòi trong.

*Tôi ngòi suy kim, nghiệm cổ. nhớ xưa có ông  
Thái Công cũng bậc công hầu, vì thời vị ngộ phải  
Ra câu sông Vị. Nghĩ như vậy thì công danh, phú  
Quý cũng khó thiết. Chi cho bằng:*

Ngâm: Sợ chỉ kinh luân xao mặt nước

*Ăn một miếng cho vui, cảnh này môi màng có ít,  
Con ráng mà ăn đi!*

Ngâm: Miếng môi thao lược thả dòng sông.

*Chừ canh tàn, khắc lụn, cá hết chỗ ăn, thoi thì  
đẹp cần lại để xem trời, ngó nước, đây.*

Ngâm: Trên đó trời xanh sao nhấp nháy.

*Hàn chi gọi “Tam sơn tứ hải nhất phân điền”  
cũng phải đây.*

Ngâm: Dưới đây biển lạc nước mênh mông.

*Vì câu “Phòng vân mặt trắc” nên hằng bữa  
lo âu đây.*

## **7. Chống bão tố**

Ngâm: Nhìn xem phía bắc trời chớp sáng.

*Trời ngó bộ không xong rồi đây!*

Ngâm: Đoái thấy phương đông sóng nổi vòng.

*Ủa lạ, ủa lạ! Nhìn biển đông sóng dờn, ngó núi  
Chúa đông ra, mịt mù Lao cho chí Sơn Chà. Nhìn  
Sau trước mình ta khó liệu. Âu là, báo cho lái biết  
đặng toan liệu phương nào. Ở nơn huynh!*

*Huynh!*

Lái (nói): Có ta, có ta!

Thương (nói): *Cấp dã! Cấp dã! Nguy hò! Nguy hò! Hà cấp sự! Cấp sự! Khả thiết lai! Thiết lai*

Thương (phú lục): *Dạ, dạ! Trục khán đông, tây vân xuất du du giai khả ưý.*

Lái (phú lục): *Lo đi! Lo đi! Trùng chiêm nam bắc, phong xi trập trập, diệt khả nguy!*

Lái (nói): *Xem trời đã mưa sa lác đác. Gió kia lại thổi leo pheo. Thuyền tổng thương người tới lấy neo. Bả trạo khéo gay chèo cho chặt, nghe. (dạ).*

Tổng, thương (hò): *Dong thuyền cùng mỏ lấy neo  
Dưới sông sóng dợn, trên đèo mưa tuôn  
Người buồn thì cảnh cũng buồn  
Âm dương cách biệt lụy tuôn đôi hàng  
Thoát dòng khổ hải mê giang  
Lánh miền trần hải tìm đàng tiên phong.  
Lấy neo ở ông lái!*

Lái (nam): *Kéo lồng neo lần theo dòng nước  
Bả trạo ráng mà chèo  
Dạ chi sờn gió ngược nước xao.*

Tổng (xướng): *Thiên sâu địa thảm mang mang toàn*

Trạo (nói): *Võ khởi vân du ám ám khai.*

Tổng (hò): *Thương thay kiếp tận số cùng*

Trạo (hò): *Hồng trần cõi tạm tiên cung vội về*

Lái (nam): *Thoát dòng biển khổ sông mê  
Quay thuyền Bát nhã trở về bông lai.*

Tổng (hò): *Âm dương hai ngã biệt ly*

Trạo (hò): *Cách ba tấc đất còn gì mà mong.*

Thương (nam): *Nam Kha một giấc đã xung  
Mượn thuyền vô để thoát dòng trần ai.*

Tổng (hò): *Nghĩ thân phù thế mà sâu,*

Trạo (hò): *Bạt trong biển khổ, bè dầu bến mê.*

Lái (nam): *Thoát bến mê đặng bề cực lạc,*

*Kiếp trông chừng dâu hạ đường tiên.  
Đông (hò): Non bông nước nhược băng khuâng  
Ấy hồn Tinh Vệ, hay thân Đỗ Quyên  
Người đời một hội, một thuyền  
Âm cung ai dễ cách miền dương gian  
Phù du sao khéo mơ màng  
Trao ca mục luật, cho an hồn Ngai  
Chuông lâu ai khéo xong dùi  
Đã vun cội thảm, lại bồi tình thương  
Nguyên cùng trời đất âm dương  
Biệt ly hai chữ vô thường thôi trông  
Thác rồi không lại hoàn không  
Nam tào đã định cõi rồng chơi tiên  
Chí dâu từ hạ hoàng thiên  
Cầu cho bốn vạn, niên niên phát tài.*

### **8. An bình**

Lái (nói): *Đình<sup>108</sup> thuyền ở bả trạo, không chèo nữa!*

Tổng (nói): *Nay hương vạn hiến cung tịch điện, ngoài  
trạo ca trình diện ký hoàn.*

*Thuyền trạo ca, trạo thượng lương ban.*

*Đặng dờn gót trông chừng thảo xá, nghe (dạ).*

*Hồi sinh ra hàng một, trình diện xong*

Đưa Ông: *Hò là hò đưa Ông, tiêu diêu thiên đàng,  
Hò là hò hầu Ông.*

Kỵ Ông: *Hò là hò cung nghinh*

*Thần minh chiếu giám*

*Hò là hò lễ nghinh.*

Đưa bà già: *Hò là hò đưa linh, hồn quy tây vực*

*Hò là hò đưa linh.*

---

<sup>108</sup> Đình: tức đình lại, dừng lại.

Đua ông già: *Hò là hò đưa linh*

*Nhàn du tiên cảnh*

*Hò là hò hầu linh*

Chúc thọ: *Hò là hò chúc Ông, bá niên trường thọ*

*Hò là hò chúc Ông.*

Đồng (nói): *Bài chén chèo*

*Thủy trình thiên phát chấn lôi ba,*

*Thiên thuận phong xi hải bạc hoà*

*Kỳ thủy tình phong ba*

*Nhứt nguyệt chiếu sơn hà*

*Phiêu phiêu nhứt trạo ba*

*Khinh khinh trực lãng qua*

*Thừa phong hành phát phát*

*Hườn trạo lập giang, ha*

*Hố lý, khoan hò khoan.*

Cuối hồi thứ 8, các tổng tiến về trước Lãng Ông làm lễ tạ, các bạn chèo ôm mái chèo lay. Hát bả trạo kết thúc.

## **Nói về**

Vè là một thể loại văn học dân gian, được diễn xướng trong cộng đồng thông qua các nghệ nhân trong làng xã. Vè theo chân các nghệ nhân dân gian đi nói về tại các tụ điểm đông người. Dần về sau, vè cùng với cặp sênh (sinh tiền) gõ nhịp, đưa lời, đôi khi các nghệ nhân khéo léo đưa làn điệu vào vè để nói về có hơi thở của “văn nghệ”, và biến một cuộc nói về có phần hấp dẫn hơn trước đám đông người qua lại. Nói về trở thành một loại hình diễn xướng dân gian rất hấp dẫn và phát triển tại đất Quảng một thời. Vè được sử dụng thể hiện nhiều mục đích khác nhau trong sinh hoạt văn hoá làng xã của nhân dân Hoà Vang nói riêng và nhân dân đất Quảng nói chung. Chính đó, khi nói đến đất Quảng Nam ngoài kho tàng ca dao dân ca *chưa mưa đà thấm*, người ta còn biết đến thể loại vè. Đây là một trong những thể loại tạo nên đặc trưng riêng của người

Quảng Nam, gần như đã mang tính trội của người Quảng, trong đó hẳn nhiên có vùng Hoà Vang nữa. Khi nói về, người thường hay đi nói cũng được xem như nói về chuyên nghiệp, dùng cặp sênh tiền như con sứa, được làm bằng tre già, khõ nhíp. Khi nói về giữ nhíp bằng cách dùng tay nhíp hai thanh tre vào nhau tạo thành tiếng kêu cóc, cóc gọn lỏn. Một đoạn xa cũng nghe được tín hiệu nói về.

Trong dân gian Hoà Vang đến nay vẫn còn nghe các cụ tại Phong Lệ (cũ), Cẩm Lệ hoặc lên Bồ Bản, Tuý Loan hay ngược ra các làng Vân Dương, Nam Ô hoặc xuôi xuống biển như Thọ Quan, An Hải. Mân Thái... vẫn còn nghe các cụ bà, cụ ông kể về hình thức nói về. Phần đông nói về được thực hiện tại các chợ làng, các hàng quán trong làng, nhưng phần nhiều nơi tập trung đông vẫn là chợ làng. Chợ làng thường đông vào buổi sáng hoặc buổi chiều, đôi khi có chợ phiên nữa. Hoặc vào những ngày Tết nhứt, hội hè, và được các nghệ dân dân gian chuyên nghiệp cầm sênh đi nói về. Nói về thường diễn ra tại phiên chợ chiều nhiều hơn phiên chợ sáng, bởi phiên sáng, người đi chợ ít, do phải bận rộn công việc đồng áng nên không có thời giờ ngồi lâu để nghe được nói về, cho dù nói về hay đến mấy cũng không thể! Buổi chiều nói về là hấp dẫn nhất, người đi chợ có thể ngồi, hoặc đứng nghe đến chạng vạng, đờ đèn cũng được. Những dịp như thế bữa cơm tối của gia đình có thể được tổ chức muộn hơn. Và chính bữa cơm tối là lúc về được nói lại lần nữa cho cả nhà nghe, do đó về được nhớ lâu trong nhân dân.

Xưa kia, trên địa bàn Hoà Vang, các chợ thường có nói về là chợ Hộ (Thanh Khê), chợ Phong Lệ, Lệ Trạch, Quảng Huế, Tuý Loan, chợ Tổng (An Ngãi Tây), chợ Nam Ô, chợ An Hải, chợ Miếu Bông, chợ huyện (Hoà Thuận – chợ Mới)... quán Thừa (nay nằm trong sân bay Đà Nẵng), quán Đoi (Hoà Châu), quán Khái (Hoà Quý)... Trong chợ hoặc quán xưa kia thường bán bánh xèo, bánh bèo, mì Quảng, bánh tráng đập... thực khách thường là các bà đi chợ. Tại các địa điểm này chủ bán luôn có nói về để những người

đi chợ hoặc ăn qua quýt bát mì, uống bát nước chè xanh, họ vừa ăn vừa nghe vè. Đôi khi mua mấy miếng trầu cau cũng có thể ghé lại nghe nói vè. Có thể nói, các bà là nghệ nhân nói vè đầu tiên trước khi các ông sử dụng loại hình này. Trên địa bàn Hoà Vang rộng lớn ngày xưa, bài vè được đem ra nói nhiều nhất (cũng chung cho đất Quảng nữa) tại các quán, chợ làng là bài *Vè Thông Tầm*.

Mở đầu một cuộc nói vè, các nghệ nhân dân gian thường bắt đầu bằng: *Lặng lặng mà nghe...* hoặc *Nghe vè nghe vè, Nghe vè trời lụt...* Bài vè Thông Tầm bắt đầu: *Có người Bình Định tỉnh thành, Làm việc công sở, mỹ danh Thông Tầm...* bài vè nói rằng đây chỉ là mấy lời quê, nói đông dài chuyện giữ gìn đạo đức trong nhà, chuyện dạy con cái làm ăn nông tang cày cấy, phụ nữ phải đảm đang thực hiện lời dạy thánh hiền rằng phải giữ đúng tam tòng, tứ đức, phải có đủ công dung ngôn hạnh thì mới xứng đáng là phụ nữ (đàn bà) tốt trong việc giữ gìn nền nếp gia phong, gia đạo, gia thanh... Người có chồng phải giữ cho được nền nếp nhà chồng không được tỏ thái độ *bất sự công cô*<sup>109</sup>. Nội dung xuyên suốt trong bài vè là dạy làm người. Chính đó, xưa kia hấp dẫn người nghe là các bà, các chị. Người ta có thể đến quán hoặc đến chợ chiều của làng, ngồi nghe vè Thông Tầm đến tối không chán. Nghe vè còn là hình thức bán công, người nghe phải trả cho người nói vài xu, xem như trả công cho việc nói vè. Hễ ai ghé vào nghe cũng được khuyến khích phải thực hiện nghĩa vụ đó. Giống như ngày nay đi xem văn nghệ, hát ca, tuồng đờ... phải bỏ tiền ra mua vé vậy.

Câu mở đầu của vè Thông Tầm được kể:

*Văn phòng có lúc thanh thoi  
Ở đời nghề thấy việc đời mà ghé  
Dạy con kiếm mấy lời quê  
Ai ai chỉ nấy chớ chê, đừng cười.*

---

<sup>109</sup> *Bất sự công cô*: tức bỏ bê, không thờ phụng gia tiên bên chồng.



Sau đó người nói về vào chuyện, trong câu chuyện dài này có đủ công, dung, ngôn, hạnh:

*Thứ nhất kể sự làm người  
Dầu no, dầu dổi cho tươi mặt mày  
Bữa ăn phải để tháng ngày  
Thức khuya dậy sớm cho tày người ta  
Gái thời dọn dẹp trong nhà  
Hình dung yếu điệu nét na dịu dàng  
Khi ăn khi nói chừng chàn  
Khi ngồi khi đứng bỉ bàng dung nghi...*

Đã có gái thời:

*Gái thời yếu điệu nét na,  
Nghề chi cũng giữ trong tay một nghề*

thì phải có trai thời nữa. Trai thời chắc chắn thời ấy được khuyên:

*Văn chương chữ nghĩa cho tường,*

*Trai ôm quyển sách ra đi cho biết điều khôn sự đại, Chàng ôm quyển sách ra đi cho biết điều phải sự không.* Thế nên, ngày trước ra chợ, ra làng được xem như ra khỏi nhà giao lưu cùng cộng đồng, còn chuyện lên tổng, phủ thì rất khó, chỉ những người đỗ đạt thành danh mà là đàn ông chứ đàn bà dễ đâu ra được làng, lên được tổng, phủ. Ở môi trường diễn ca này, phụ nữ đi chợ thường tùm lại để nghe, nghe lâu thành thuộc, theo đó họ học lấy cách chọn chồng, còn trai ra chợ xem người nào thất đáy lưng ong, lưng chữ vù, vù chữ tâm là sao, cũng là cách để chọn. Thế nên ngày xưa các chàng trai được khuyên:

*Trai khôn tìm vợ chợ đông  
Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân*

là vậy. Vùng Hoà Vang xưa kia, về Thông Tầm được nói từ các hình thức sinh hoạt dân gian như vậy. Sau lần nghe nói về, các bà mẹ đem những chuyện hay nghe được từ chợ, từ quán về nhà nói lại với cả nhà, với con dâu, con trai trong bữa cơm tối đầm ấm khi cả nhà có dịp ngồi lại với nhau. Không chỉ có về dạy con gái con trai làm người mà về còn bàn đến chuyện thế sự nữa. Tại các tụ điểm này, các sự kiện xã hội được các nghệ nhân dân gian nói về đặt ra có vần điệu (hoặc không, hoặc biến thể từ thể thơ lục bát) kể cho mọi người nghe. Chẳng hạn về *cúp tóc*, về *chống sưu thuế*, về *chống quan lại*, về *chống quân xâm lược*, về *thời tiết*, về *thói hư tật xấu*... tất cả sinh hoạt đời thường được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn và nói thành về. Có loại về kể về tinh thần yêu nước, về kể lại diễn biến một sự kiện xảy ra trong làng, tổng, huyện như một câu chuyện, có về đề cập đến nhân tình thế thái, về đạo đức, có loại về kêu gọi nhân dân chống sưu cao, thuế nặng, về kể về thân gái dặm trường đường xa dong rui, về dẫn người nghe theo bước chân hành trình dần vào Nam đến tận Sài Gòn...

*Bon hành mua giấy hỏa xa  
Bước lên Phong Lệ hột luy nhỏ sa từ tòn  
Từ tòn xe tới Diêm Sơn  
Keo sơn hòa ước dạ anh hờn nợ doan <sup>110</sup>  
Lần hồi xe tới Đông Quan  
Quan hà khí lộ xốn xang lòng phàm...*

Ngày nay cho dù có tổ chức khôi phục diễn xướng loại hình về Quảng cũng rất khó mang về lên sân khấu để nói lấp lánh dưới ánh đèn màu được.

Chính hình thức nói về dân gian theo nếp sinh hoạt làng xã như đã biết mà hình thức về được bảo lưu và tiếp tục lưu truyền trong dân gian bằng con đường *nói*, đến nay ta mới có cơ sở lưu

---

<sup>110</sup> *Nợ doan*: (từ cổ) như nợ duyên.

truyền để sưu tầm, ghi chép lại được. Và không chỉ có vè, ở vùng Hoà Vang ngày trước còn có loại hình thơ, thơ được làm ra gửi cho ai đó – có thể một người quen – trình bày điều gì có liên quan đến cá nhân, đến tình hình thế sự, đến những đổi thay hoặc diễn biến thời cuộc trong hai cuộc kháng chiến, hoặc thơ động viên chồng con lên đường chiến đấu, thơ kể gương đánh giặc cứu nước... Nói chung, thơ như thế không ghi tác giả được lưu truyền trong nhân dân nên gọi là *thơ rơi*. Trong dân gian vùng Hoà Vang còn nhắc đến loại thơ này:

*Buồn tình cha chả buồn tình  
Không ai đi Huế cho mình gửi thơ,  
Gửi thơ thì phải gửi lời,  
Kéo mà thơ rớt thơ rơi dọc đường...*

Thể loại thơ rơi gần với vè và cũng gần với thơ lục bát nên gọi vè hay thơ rơi đều có thể chấp nhận được. (Nếu thơ lục bát mà non tay cũng sẽ trở thành vè). Giống như trong Nam bộ có thể loại thơ rơi, không tìm thấy hoặc có tác giả, vẫn còn được lưu hành. Hình thức như vậy xưa kia vẫn thường được lưu hành trong dân gian vùng Hoà Vang, nay các nghệ nhân dân gian, các cụ ông, cụ bà còn nhớ và kể lại, đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và Mỹ vừa qua vè và thơ rơi ra đời, đáp ứng nhu cầu phản ánh, tuyên truyền, động viên người thân, nhân dân lạc quan, tin tưởng, tiến lên phía trước bảo vệ quê hương.

### ***Đồng dao***

-Ru ru kiến kiến  
Con kiến ở nhà  
Con gà bươi bếp  
Con rệp thấp hương  
Chàn hương bới tóc  
Cá nóc cầm chèo

Co mèò tát nước  
Con vạc đi ăn  
Mụ vằn đi chợ  
Mua mật mua mỡ  
Về cho kiến ăn  
Làm nhà năm căn  
Cho con kiến ở  
Kiến không thềm ở  
Kiến bỏ kiến đi.

-Đúc cây dừa  
Chừa cây nạng  
Cây lòng ống  
Cây bí đao  
Cây nào cao  
Cây nào thấp  
Cây nào rập  
Cây nào rà  
Mông toi, bí đỏ  
Quan vãn, quan võ  
Ăn cắp trứng gà  
Bọ xa, bọ xít  
Bò ra tay này  
Mà gầy tay nọ  
Mà bỏ tay ni !

-Đàn dê lên rừng  
Thấy hang hổ xám  
Thì dừng lại ngay  
Hổ xám có nhà không?  
Hổ xám còn rình mồi!  
Hổ xám rình mồi chi?

Rình mồi bắt đàn dê đầu đàn!  
Dê đầu đàn húc lại?  
Hổ xám rình bắt dê con!  
Dê con chạy nhanh  
Cả đàn che chở <sup>111</sup>.

-Trời mưa lâm râm  
Cây trâm có trái  
Con gái có duyên  
Đồng tiền có lỗ  
Bán tổ thiệt ngon  
Bán bèo thiệt béo  
Cái kéo thợ may  
Cái cày làm ruộng  
Cái xuồng đập bờ  
Cái lò thả cá  
Cái ná bắn chim  
Cây kim may áo  
Cái giáo đi săn  
Cái khăn bịt đầu  
Cái cầu đi chợ  
Có vợ đàn ông  
Có chồng con gái  
Có trái mù u  
Có khu bà già<sup>112</sup>  
Có cha con nít.

-Tau đi ngõ ni  
Có bông có hoa

---

<sup>111</sup> Đồng dao được đọc cùng với trò chơi *Đàn dê lên rừng*.

<sup>112</sup> *Khu*: (phương ngữ xứ Quảng) là cái đất.

Mi đi ngô nó<sup>113</sup>  
Có ma đón đường.  
+Tau đi ngô ni  
Có bụi chùm rùm<sup>114</sup>  
Mi đi ngô nó  
Có hùm chụp mi.

-Vỗ tay, vỗ chân  
Bà cho ăn bánh  
Không vỗ!  
Bà xách đòn gánh  
Bà đánh lên đầu  
Bà xô xuống cầu  
Bà cho ăn c...

-Hú mèo hú chuột  
Hàm dưới quăng lên  
Hàm trên quăng xuống  
Răng cũ trả mi  
Răng mới trả tau ! <sup>115</sup>

-Đập máu đập mủ  
Ông Thủ lễ gai  
Mai lành  
Môt đi chơi ! <sup>116</sup>

-Xù xì  
Ốc mít

---

<sup>113</sup> *Ngô nó*: như ngô kia.

<sup>114</sup> *Chùm rùm*: tức bụi chùm rùm, cùm rùm (phương ngữ).

<sup>115</sup> Trong lúc đọc đồng dao, trẻ nắm chiếc răng rụng quăng lên mái nhà.

<sup>116</sup> Vừa dùng đoạn tre đập vào chỗ cây gai châm vào, vừa đọc đồng dao.

Lùi tro  
Ăn no  
Té địt  
Ba ông  
Quan chánh  
Xuống đánh  
Thanh la  
Bắt ra  
Đứa địt <sup>117</sup>.

-Mủng thúng  
Thùng xè  
Ma le  
Té địt <sup>118</sup>.

-Vấn kèn vấn quyền  
Bà Liễn đi câu  
Thả trâu ăn lúa  
Thả bò ăn khoai  
Kèn kêu, kêu kèn.

-Rông rần lên cây  
Cây có bóng mát  
Có bà chủ nhà không?  
Không  
Có bà chủ nhà không?  
Không  
Có bà chủ nhà không?  
Có!

---

<sup>117</sup> Trẻ vừa đọc đồng dao, vừa chỉ từng bạn, bạn nào trúng nhằm “đứa địt” là xem như trẻ ấy “làm xấu” trước mặt các bạn. Được một dịp hoan hô, vỗ tay vui vẻ.

<sup>118</sup> Cách như chú thích trên.

Cho xin tí lửa  
Lửa tắt!  
Cho xin cái quạt  
Quạt chưa mua!  
Cho xin cái đũa  
Cái đũa đựng trâu!  
Cho xin cái đầu  
Đầu cứng!  
Cho xin khúc giữa  
Giữa xương!  
Cho xin cái đuôi  
Đuôi mềm! Bắt được cái đuôi thì ăn! <sup>119</sup>

-Bứt lá khoai  
Ba lá xà  
Xà lá chi  
Xà lá... <sup>120</sup>

-Huê... hò con ghé huê...uê...huê  
Ăn no huê  
Ham bú huê  
Lạc bầy huê  
Không biết đường về  
Chuông cũ máy xưa  
Để tau đi kiếm (ờ)  
(là) hò con ghé ...huê...uê...huê.

-Huê...hò con ghé ...<sup>121</sup> (ờ) huê...uê...  
Huê, huế huê bông ờ

---

<sup>119</sup> Đồng dao được chuyển thành trò chơi *Rồng rắn lên cây*.

<sup>120</sup> Muốn xà lá gì thì đọc tên lá ấy vào. Ví dụ xà lá mít. Đồng dao kèm với trò chơi.

<sup>121</sup> Đọc tên con nghe vào. Ví dụ: ghé lũ, ghé bình, ghé chùm, ghé vàng...



Bông huê, huê huế ê... cà...à  
Cà huê, huê huế ê nở... ờ...  
Lạc bầy (mà) mảy nhớ  
Lạc mẹ (mà) mảy trông  
Chớ nhảy (ư) băng đồng  
Thần nông (ư) vắn họng  
(Là) hò con nghe huê...uê...huê...



*Mái đình Thần nông làng Phong Lệ (Ảnh: Võ Vănm Hòe)*